

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TIXIMAX.**

Giảng viên hướng dẫn	: Nguyễn Xuân Hiệp.
Sinh viên thực hiện	: Đặng Đoàn Bích Hồng.
Mã số sinh viên	: 2254010121.
Khóa học	: 2022 - 2026.
Lớp	: 22KH2.

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TIXIMAX.**

Giảng viên hướng dẫn	: Nguyễn Xuân Hiệp.
Sinh viên thực hiện	: Đặng Đoàn Bích Hồng.
Mã số sinh viên	: 2254010121.
Khóa học	: 2022 - 2026.
Lớp	: 22KH2.

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện.

- Họ và tên sinh viên: Đặng Đoàn Bích Hồng.
- Chuyên ngành: Kế toán.
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Khóa học: 2022 - 2026.

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp.

- Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Tiximax.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: Sổ sách và số liệu năm 2025.

4. Các bảng biểu:

5. Cán bộ hướng dẫn:

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

(Ký, ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.	1
1.1. Khái quát chung về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	1
1.1.1. Các khái niệm về bán hàng và kết quả kinh doanh.	1
<i>1.1.1.1. Bán hàng.</i>	<i>1</i>
<i>1.1.1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh.</i>	<i>1</i>
<i>1.1.1.3. Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.</i>	<i>1</i>
<i>1.1.1.4. Các phương thức bán hàng.</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.5. Các phương thức thanh toán.</i>	<i>2</i>
1.1.2. Vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.	3
1.1.4. Yêu cầu của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.2. Kế toán bán hàng trong doanh nghiệp.	4
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng.	4
<i>1.2.1.1. Khái niệm.</i>	<i>4</i>
<i>1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.</i>	<i>4</i>
<i>1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</i>	<i>5</i>
<i>1.2.1.5. Tài khoản sử dụng.</i>	<i>6</i>
<i>1.2.1.6. Phương pháp hạch toán.</i>	<i>7</i>
1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	8
<i>1.2.2.1. Nội dung.</i>	<i>8</i>
<i>1.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng.</i>	<i>9</i>
<i>1.2.2.3. Trình tự hạch toán.</i>	<i>10</i>
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	10
<i>1.2.3.1. Nội dung.</i>	<i>10</i>
<i>1.2.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.</i>	<i>10</i>
<i>1.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.</i>	<i>11</i>
<i>1.2.3.4. Tài khoản sử dụng.</i>	<i>12</i>
<i>1.2.3.5. Phương pháp hạch toán.</i>	<i>13</i>
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	14
1.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.	14
<i>1.3.1.1. Nội dung.</i>	<i>14</i>
<i>1.3.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng.</i>	<i>14</i>

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng.	14
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.	15
1.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	15
1.3.2.1. Nội dung.	15
1.3.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.	16
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.	16
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.	17
1.3.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	17
1.3.3.1. Nội dung.	17
1.3.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.	18
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.	18
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.	18
1.3.4. Kế toán chi phí tài chính.	19
1.3.4.1. Nội dung.	19
1.3.4.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.	19
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.	19
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.	20
1.3.5. Kế toán thu nhập khác.	20
1.3.5.1. Nội dung.	20
1.3.5.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.	20
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.	21
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán.	21
1.3.6. Kế toán chi phí khác.	21
1.3.6.1. Nội dung.	21
1.3.6.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.	21
1.3.6.3. Tài khoản sử dụng.	22
1.3.6.4. Phương pháp hạch toán.	22
1.3.7. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.	22
1.3.7.1. Nội dung.	22
1.3.7.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.	23
1.3.7.3. Tài khoản sử dụng.	23
1.3.7.4. Phương pháp hạch toán.	23
1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	24
1.3.8.1. Nội dung.	24
1.3.8.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.	24
1.3.8.3. Tài khoản sử dụng.	24

1.3.8.4. Phương pháp hạch toán.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX.....	26
2.1. Tổng quan về công ty Cổ phần Tiximax.....	26
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty Cổ phần Tiximax.....	26
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty Cổ phần Tiximax.....	26
2.1.2.1. Chức năng.....	26
2.1.2.2. Nhiệm vụ.....	27
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bán hàng, tổ chức quản lý và tổ chức kế toán của công ty Cổ phần Tiximax.....	27
2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bán hàng tại công ty.....	27
2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.....	28
2.1.3.3. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty.....	29
2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.....	33
2.2.1. Đặc điểm bán hàng tại công ty Cổ phần Tiximax.....	33
2.2.1.1. Các nhóm sản phẩm, hàng hóa tại công ty.....	33
2.2.1.2. Phương thức bán hàng.....	33
2.2.1.3. Phương thức thanh toán.....	33
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	34
2.2.2.1. Tài khoản sử dụng.....	34
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	34
2.2.2.3. Sổ sách sử dụng.....	34
2.2.2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	34
2.2.2.5. Nghiệp vụ minh họa.....	36
2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	42
2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán.....	42
2.2.4.1. Tài khoản sử dụng.....	42
2.2.4.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.....	42
2.2.4.3. Chứng từ sử dụng.....	43
2.2.4.4. Sổ sách sử dụng.....	43
2.2.4.5. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	43
2.2.4.6. Nghiệp vụ minh họa.....	43
2.2.5. Kế toán chi phí bán hàng.....	46
2.2.5.1. Tài khoản sử dụng.....	46
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng.....	46
2.2.5.3. Sổ sách sử dụng.....	46

2.2.5.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.	47
2.2.5.5. Nghiệp vụ minh họa.	47
2.2.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	50
2.2.6.1. Tài khoản sử dụng.	50
2.2.6.2. Chứng từ sử dụng.	50
2.2.6.3. Sổ sách sử dụng.	50
2.2.6.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.	51
2.2.6.5. Nghiệp vụ minh họa.	51
2.2.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	59
2.2.7.1. Tài khoản sử dụng.	59
2.2.7.2. Chứng từ sử dụng.	60
2.2.7.3. Sổ sách sử dụng.	60
2.2.7.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.	60
2.2.7.5. Nghiệp vụ minh họa.	60
2.2.8. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	62
2.2.9. Kế toán thu nhập khác.	62
2.2.9.1. Tài khoản sử dụng.	62
2.2.9.2. Chứng từ sử dụng.	62
2.2.9.3. Sổ sách sử dụng.	62
2.2.9.4. Nghiệp vụ minh họa.	62
2.2.10. Kế toán chi phí khác.	62
2.2.10.1. Tài khoản sử dụng.	62
2.2.10.2. Chứng từ sử dụng.	62
2.2.10.3. Sổ sách sử dụng.	62
2.2.10.4. Nghiệp vụ minh họa.	62
2.2.11. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.	64
2.2.11.1. Tài khoản sử dụng.	64
2.2.11.2. Chứng từ sử dụng.	64
2.2.11.3. Sổ sách sử dụng.	64
2.2.11.4. Quy trình luân chuyển.	64
2.2.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	68
2.2.12.1. Tài khoản sử dụng.	68
2.2.12.2. Sổ sách sử dụng.	68
2.2.12.3. Quy trình kết chuyển.	68
2.2.12.4. Nghiệp vụ minh họa.	69

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX.....	76
3.1. Một số nhận xét chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax.	76
<i>3.1.1. Ưu điểm.</i>	<i>76</i>
<i>3.1.2. Nhược điểm.</i>	<i>77</i>
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax.	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa từ viết tắt
VAT	Thuế giá trị gia tăng
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
TNK	Thuế nhập khẩu
TXK	Thuế xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
GTGT	Giá trị gia tăng
NLVL	Nguyên liệu vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ
TSCĐ	Tài sản cố định
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
VPP	Văn phòng phẩm
CPSX	Chi phí sản xuất
PT	Phiếu thu
PC	Phiếu chi
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
KH&CN	Khoa học và công nghệ
LN	Lợi nhuận
BH&CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
LNKT	Lợi nhuận kế toán
CNTT	Công nghệ thông tin
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GVHB	Giá vốn hàng bán

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý.(Đối với bên giao hàng đại lý)	7
Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng trực tiếp.	7
Sơ đồ 1.3. Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý. (Đối với bên nhận đại lý)	8
Sơ đồ 1.4. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.	8
Sơ đồ 1.5. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	10
Sơ đồ 1.6. Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.	13
Sơ đồ 1.7. Hạch toán chi phí bán hàng	15
Sơ đồ 1.8. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	17
Sơ đồ 1.9. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.	19
Sơ đồ 1.10. Hạch toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.11. Hạch toán thu nhập khác.	21
Sơ đồ 1.12. Hạch toán chi phí khác.	22
Sơ đồ 1.13. Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	23
Sơ đồ 1.14. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.	25
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.	28
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty.	29
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.	31
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	32
Sơ đồ 2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ	35
Sơ đồ 2.6. Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán	43
Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng.	47
Sơ đồ 2.8. Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp.	51
Sơ đồ 2.9. Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính.	60

MỤC LỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Giao diện chính của phần mềm SMARTPRO.	31
Hình 2.2: Giao diện phần mềm VIN-HOADON.	36
Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 151.	37
Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 512.	39
Hình 2.5: Phiếu xuất kho theo hóa đơn 151	44
Hình 2.6: Phiếu kế toán số 18 xuất theo hóa đơn GTGT số 512.	44
Hình 2.7: Hóa đơn GTGT mua dịch vụ quảng cáo Google Ads.	48
Hình 2.8: Phiếu chi mua dịch vụ quảng cáo Google Ads.	49
Hình 2.9: Giao diện phần mềm nhập chi tiền mua dịch vụ.	49
Hình 2.10: Hóa đơn mua VPP.	54
Hình 2.11: Phiếu kế toán mua VPP	54
Hình 2.12: Hóa đơn 3973309.	57
Hình 2.13: PC chi phí tiếp khách số 3973309	57
Hình 2.14: Sổ phụ nhân hàng Techcombank.	60
Hình 2.15: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.	63
Hình 2.16: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu 03/TNDN)	67
Hình 2.17: Giao diện phần mềm khi thực hiện kết chuyển.	69
Hình 2.18: Giao diện kết chuyển tài khoản.	69
Hình 2.19: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.	72

LỜI CẢM ƠN

Để có thể hoàn thành được khóa luận tốt nghiệp này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô giảng viên trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng và các Anh/chị ban lãnh đạo, toàn thể các nhân viên trong công ty đã tận tình giảng dạy và tạo điều kiện cho em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn quý lãnh đạo công ty Cổ phần Tiximax đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực tập học hỏi tại công ty. Tiếp là em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các Anh/Chị của phòng kế toán đã tạo cơ hội cho em tiếp cận với các nghiệp vụ kế toán thực tế và cung cấp các thông tin kịp thời, cần thiết để em hoàn thành bài báo cáo này thực tập này. Bản thân em rất biết ơn vì đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm trong nghề từ các Anh/chị. Từ đó giúp bản thân em có thêm kinh nghiệm và ngày càng hoàn thiện hơn. Em cảm thấy rất vui và trân quý cơ hội này

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy Nguyễn Xuân Hiệp, người đã trực tiếp hướng dẫn em nghiên cứu đề tài Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax một cách rất nhiệt tình và tận tâm. Thầy đã định hướng cách viết và cách làm bài khoa học. Nhờ những định hướng của thầy mà em đã hoàn thành bài khóa luận của mình.

Mặc dù em đã cố gắng hết sức để hoàn thiện bài khóa luận, nhưng do sự hiểu biết còn hạn chế, bài khóa luận chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Và lời cuối cùng, em xin kính chúc các Thầy/cô Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng luôn thành công trong sự nghiệp. Chúc quý công ty Cổ phần Tiximax sẽ thành công hơn trong tương lai và công ty ngày càng phát đạt.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Đoàn Bích Hồng

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp. Sự cạnh tranh gay gắt, biến động của thị trường, chính sách pháp luật và yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng đã đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất – kinh doanh. Để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp buộc phải không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý, đặc biệt là trong công tác quản trị tài chính và kế toán.

Mục tiêu chung của tất cả các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận, để đạt được mục tiêu đó thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Bên cạnh những phương thức xúc tiến thương mại, thì doanh nghiệp còn phải nắm bắt các thông tin chính xác từ bộ phận kế toán, để từ đó giúp các nhà quản trị có cái nhìn đúng đắn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Với tầm quan trọng đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải tập hợp, phản ánh, hạch toán chính xác, kịp thời để cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định. Vì vậy, việc tổ chức tốt công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là điều cấp thiết, thiết yếu trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề trên, với kiến thức được học tại trường, để có thể hiểu biết sâu sắc hơn về phần hành này, trong quá trình thực tập tại Công ty em đã tìm hiểu, nghiên cứu và đi đến chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tiximax”.

Bố cục bài khóa luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax.

Chương 3: Nhận xét và một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Tiximax.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

(Nội dung này được viết theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

1.1. Khái quát chung về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Các khái niệm về bán hàng và kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Bán hàng.

Bán hàng là khâu cuối cùng của quá trình hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại. Đây là quá trình chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua và doanh nghiệp thu tiền hoặc được quyền thu tiền.

Xét về góc độ kinh tế: bán hàng là quá trình hàng hóa của doanh nghiệp được chuyển từ hình thái vật chất (hàng) sang đến tiền tệ (tiền). Quá trình bán hàng ở các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng có những đặc điểm chính sau:

- Có sự trao đổi giữa người mua và người bán, người bán đồng ý bán, họ trả tiền hoặc chấp nhận giả trả tiền
- Có sự thay đổi bằng sở hữu về hàng hóa: người mất quyền sở hữu, người mua có quyền sở hữu về hàng hóa đã mua bán.

1.1.1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo điều 96 thông tư 200/2014/TT-BTC: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.1.3. Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đơn vị quyết định có tiếp tục sản xuất hay tiêu thụ hàng hóa nữa hay không. Vì vậy, có thể nói giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết. Mục đích cuối cùng

của doanh nghiệp là kết quả kinh doanh và bán hàng là phương tiện trực tiếp để đạt được mục đích đó.

1.1.1.4. Các phương thức bán hàng.

Ngày nay, có rất nhiều phương thức bán hàng hóa khác nhau. Tùy vào mỗi sản phẩm và mô hình kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp sẽ lựa chọn phương thức bán hàng phù hợp.

- *Bán hàng qua kho*: là phương thức bán hàng mà hàng hóa mua về được nhập kho rồi từ kho xuất bán ra cho người mua.

- *Bán buôn vận chuyển thẳng*: Theo hình thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng chuyển hàng đi bán thẳng cho bên mua tại một địa điểm đã thỏa thuận. Hàng hoá lúc này vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi bên mua thanh toán hoặc khi Doanh nghiệp nhận được giấy biên nhận hàng và bên mua chấp nhận thanh toán thì hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ. Trong trường hợp này, doanh nghiệp tham gia thanh toán với cả hai bên: Thu tiền bán hàng của người mua và trả tiền mua hàng cho người bán.

+ *Phương thức bán buôn*: Bán buôn là việc bán sản phẩm của doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khác, các cửa hàng, đại lý,... với số lượng lớn để các đơn vị tiếp tục bán cho các tổ chức hay cá nhân khác.

+ *Phương thức bán lẻ hàng hóa*: là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân và bộ phận nhu cầu kinh tế tập thể. Số lượng tiêu thụ của lần bán thường nhỏ.

- *Phương thức bán hàng theo hợp đồng*: Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp sẽ xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài để vận chuyển hàng đến khách hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng thể hiện trách nhiệm và tôn trọng lợi ích của nhau.

- *Phương thức bán hàng thông qua đại lý*: Gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Doanh thu của doanh nghiệp sẽ được ghi nhận khi bên đại lý thanh toán số hàng hóa gửi đi đại lý sau khi bán được. Và doanh nghiệp phải trả cho đại lý một khoản chi phí hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm hoặc bán chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm trả góp*: Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Khoản doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá bán trả tiền ngay và khoản lãi sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

1.1.1.5. Các phương thức thanh toán.

Hiện nay khi mua hàng hóa có rất nhiều phương thức thanh toán khác nhau, tùy thuộc vào lượng hàng hóa giao dịch, mối quan hệ giữa hai bên và hình thức bán hàng mà bên bán và bên mua sẽ lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp, tiết kiệm chi phí và hiệu quả nhất.

- *Phương thức thanh toán trực tiếp*: Là phương thức thanh toán bằng tiền mặt, ngân phiếu, hàng đổi hàng để giao dịch buôn bán. Khi bên bán chuyển giao hàng hóa thì bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp ngay cho bên bán theo giá đã thỏa thuận. Phương thức này giảm thiểu được những rủi ro trong thanh toán.

- *Phương thức thanh toán qua ngân hàng*: Là phương thức thanh toán chi trả bằng tiền thông qua trung gian – ngân hàng, bằng cách chuyển khoản của người mua sang tài khoản của người bán.

- *Phương thức thanh toán trả chậm, trả góp*: Khách hàng đã nhận được hàng và chỉ thanh toán 1 phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng.

1.1.2. Vai trò của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đối với bản thân doanh nghiệp có bán được hàng mới có thu nhập để bù đắp những chi phí bỏ ra, có điều kiện để mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao đời sống của người lao động, tạo nguồn tích lũy cho nền kinh tế quốc dân. Việc xác định chính xác kết quả kinh doanh là cơ sở xác định hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp đối với nhà nước thông qua việc nộp thuế, phí, lệ phí,....

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.

Bản chất của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ công tác bán hàng và kết quả của hoạt động này. Muốn đảm bảo thực hiện và phát huy tốt vai trò của mình, đòi hỏi kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ kịp thời khối lượng thành phẩm hàng hoá dịch vụ bán ra và tiêu thụ nội bộ, tính toán đúng đắn trị giá vốn của hàng đã bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng, nộp thuế với Nhà nước. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, kế toán cần nắm vững nội dung của việc tổ chức công tác kế toán – đồng thời cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- a) Xác định thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng nhằm giám sát chặt chẽ hàng hoá bán ra về số lượng và chủng loại.
- b) Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và tình hình luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý, tránh trùng lặp hay bỏ sót, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán.
- c) Xác định và tập hợp đầy đủ chi phí phát sinh ở các khâu. Cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về tình hình bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp...

1.1.4. Yêu cầu của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu đối với kế toán bán hàng là phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện: số lượng, chất lượng,... Tránh những hiện tượng như: mất mát, hư hỏng hoặc tham ô lãng phí, kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả kinh doanh. Phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu khách hàng thanh toán đúng hình thức và thời gian tránh mất mát ứ đọng vốn.

1.2. Kế toán bán hàng trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng

1.2.1.1. Khái niệm.

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu thuần được xác định bằng tổng doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Theo Chuẩn mực kế toán số 14 (VAS 14) - Doanh thu và thu nhập khác.

- ❖ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn năm điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau.

1.2.1.4. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc kinh doanh những mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT).
- Hóa đơn thuế GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu xuất kho hàng đại lý, bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ...
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có... và bộ chứng từ liên quan.

Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết bán hàng, sổ cái các tài khoản liên quan đến tài khoản 511, sổ chi tiết hàng hóa, sản phẩm.

1.2.1.5. Tài khoản sử dụng.

Đề hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sử dụng tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng hóa”.

- Kết cấu tài khoản 511.

Bên Nợ	Bên Có
– Các khoản thuế gián thu phải nộp VAT; TTĐB, TXK, TNK, BVMT,...) – Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. – Kết chuyển sang 911- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ	– Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ	

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC sẽ có 6 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa:* Ghi nhận doanh thu và doanh thu thuần từ khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong kỳ kế toán, thường áp dụng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

+ *Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm:* Ghi nhận doanh thu và doanh thu thuần từ khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) đã bán trong kỳ kế toán, chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

+ *Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Ghi nhận doanh thu từ các dịch vụ đã hoàn thành và cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán, thường dùng cho các ngành dịch vụ như giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, khoa học, kỹ thuật, kế toán, kiểm toán,...

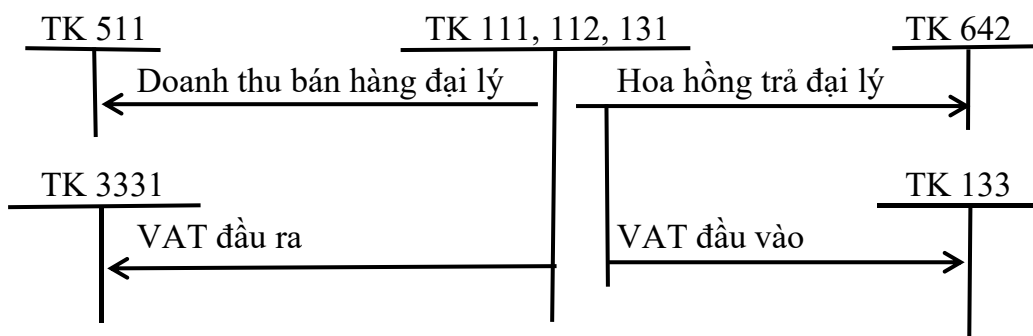
+ *Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá:* Ghi nhận doanh thu từ các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+ *Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:* Ghi nhận doanh thu từ cho thuê, bán hoặc thanh lý bất động sản đầu tư.

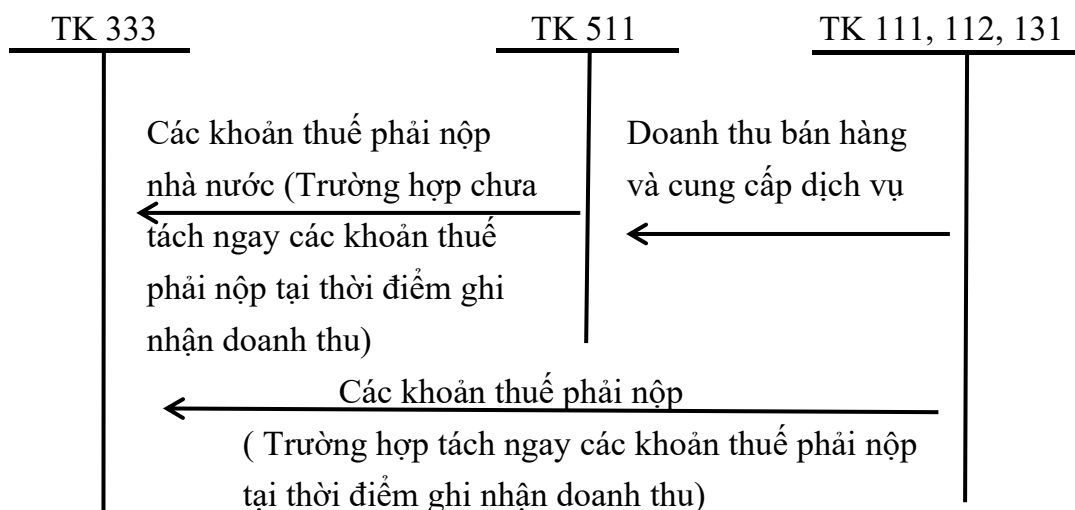
+ *Tài khoản 5118 – Doanh thu khác*: Ghi nhận các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ, trợ cấp, trợ giá và bất động sản. Bao gồm doanh thu từ việc bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

Tuy nhiên theo thông tư 99/2025/TT-BTC được ban hành vào ngày 27/10/2025, cho phép doanh nghiệp tự mở thêm tài khoản chi tiết phù hợp với mô hình kinh doanh. Khi sửa đổi, bổ sung HTTK, doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán để làm cơ sở thực hiện, nêu rõ sự cần thiết và trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật về các nội dung đã sửa đổi. Thông tư 99/2025/TT-BTC giảm bớt sự quy định cứng nhắc về các tài khoản chi tiết cố định (cấp 2, 3). Thay vào đó, doanh nghiệp được quyền mở thêm các tài khoản chi tiết cho các tài khoản tổng hợp.

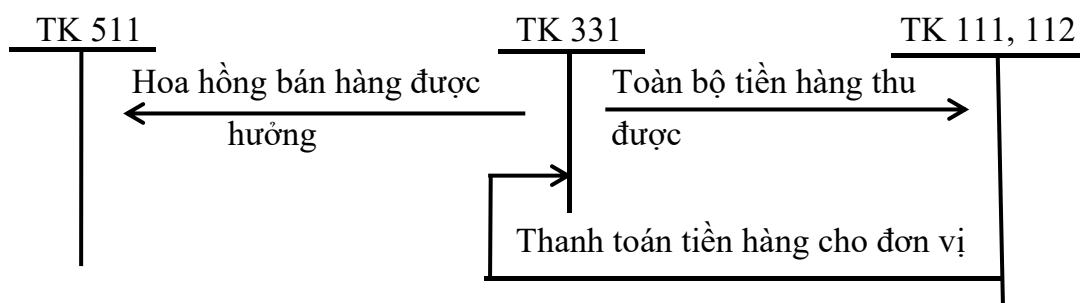
1.2.1.6. Phương pháp hạch toán.



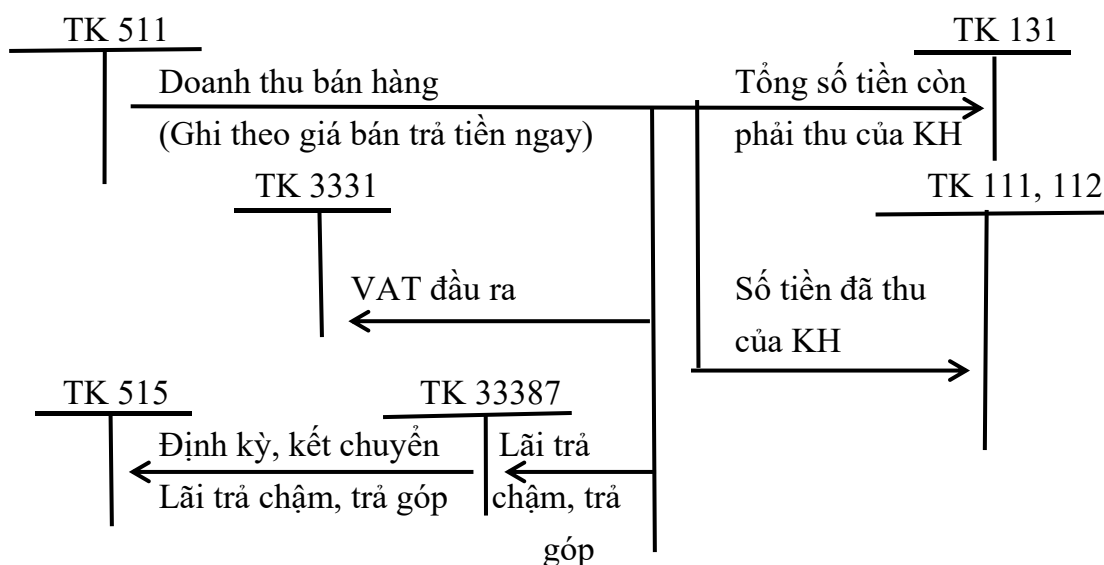
Sơ đồ 1.1. Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý. (Đối với bên giao hàng đại lý)



Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng trực tiếp.



**Sơ đồ 1.3. Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý.
(Đối với bên nhận đại lý)**



Sơ đồ 1.4. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Nội dung.

Trong quá trình bán hàng, ngoài doanh thu còn phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại,... được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- **Chiết khấu thương mại:** Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu

thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- **Giảm giá hàng bán:** Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém chất lượng, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

- *Hàng bán bị trả lại*: Là giá trị của hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết hợp đồng như hàng kém chất lượng, không đúng phẩm chất, chủng loại, quy cách.

1.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng.

❖ *Chứng từ sử dụng*:

- Chiết khấu thương mại: Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu chi, biên bản chiết khấu thương mại, bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh.

- Giảm giá hàng bán: Giấy đề nghị giảm giá hàng bán, văn bản đề nghị giảm giá hàng bán kèm theo văn bản ghi nhận sự đồng ý giảm giá, hóa đơn GTGT.

- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua kèm theo các văn bản về lý do trả lại, Hóa đơn GTGT (bên mua), Biên bản trả lại hàng hóa (nếu bên mua không có hóa đơn), Phiếu nhập kho, Phiếu chi, Giấy báo nợ.

Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết bán hàng, sổ cái tài khoản 521 và tài khoản 511, sổ chi tiết tài khoản 521 (TK 5211, TK5212, TK 5213).

❖ *Tài khoản sử dụng*.

Theo điều 81 thông tư 200/2014/TT-BTC để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng tài khoản 521 - “Các khoản giảm trừ doanh thu”.

- Kết cấu tài khoản 521.

Bên Nợ	Bên Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua. - Giá trị hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.	

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại*: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

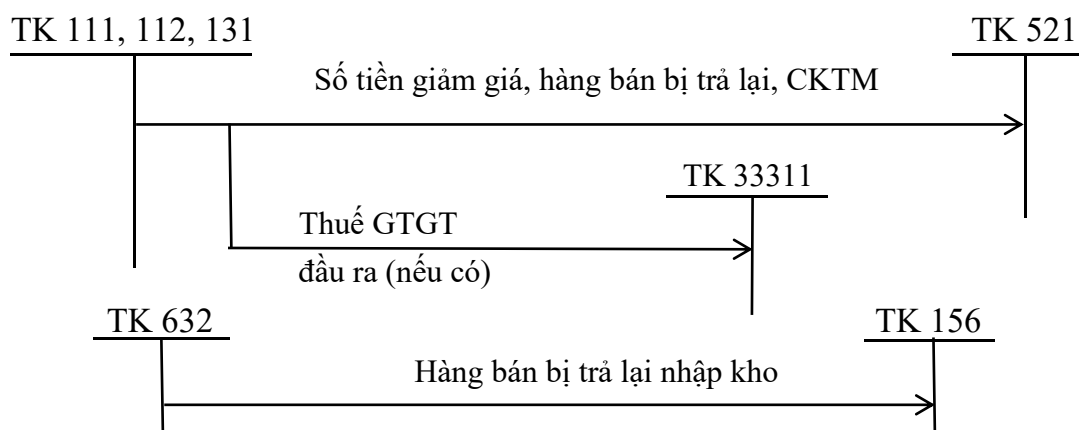
Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của DN đã quy định.

+ *Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

Chỉ hạch toán vào tài khoản này giá trị hàng bán bị khách hàng trả lại do DN vi phạm các điều kiện trong hợp đồng. Đồng thời hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần).

+ *Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán*: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

1.2.2.3. Trình tự hạch toán.



Sơ đồ 1.5. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.3.1. Nội dung.

Giá vốn hàng bán: Là trị giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. Trong doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán là số tiền thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được số hàng hóa đó, bao gồm giá mua thực tế và chi phí mua phân bổ cho hàng xuất bán. Do vậy việc xác định đúng giá vốn hàng bán có ý nghĩa quan trọng vì từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh của mình.

1.2.3.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.

Theo quy định tại điều 23 thông tư 200/2014/TT-BTC doanh nghiệp áp dụng một trong ba phương pháp sau:

- *Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh*: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.
- *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*: Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.
- *Phương pháp bình quân gia quyền*: Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Tuỳ vào hệ thống quản lý hàng tồn kho tại doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hay bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (hay phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ)*: Giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho loại } i \end{array} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{hàng } i \text{ xuất bán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng mặt hàng } i \\ \text{tồn kho xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế bình quân} \\ \text{của hàng tồn kho } i \end{array}$$

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (hay phương pháp bình quân thời điểm)*: Giá xuất kho được tính sau từng lô hàng nhập về.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{hàng } i \text{ sau} \\ \text{lần nhập } t \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế hàng } i \\ \text{tồn kho trước lần nhập } t \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ nhập ở lần nhập } t \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng } i \\ \text{tồn kho trước lần nhập } t \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập } t \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{mặt hàng } i \text{ xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng mặt} \\ \text{hàng } i \text{ xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế của} \\ \text{hàng } i \text{ sau lần nhập } t \end{array}$$

1.2.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho; hóa đơn GTGT; biên bản kiểm kê hàng hóa;...

Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết tài khoản 632; sổ cái tài khoản 632; sổ nhật ký chung;...

1.2.3.4. Tài khoản sử dụng.

Tại điều 89 thông tư 200/2014/TT-BTC tài khoản dùng để phản ánh toàn bộ giá trị hàng hóa doanh nghiệp đã tiêu thụ trong kỳ là “Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán”.

Kết cấu tài khoản 632.

Bên Nợ	Bên Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.	

Bên cạnh đó, tài khoản 1562 - “Chi phí thu mua hàng hóa” đóng vai trò là tài khoản tập hợp và phân bổ chi phí thu mua hàng hóa, góp phần cấu thành nên giá vốn hàng bán của doanh nghiệp. Tài khoản 1562 phản ánh chi phí thu mua hàng hóa phát sinh liên quan đến số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hóa hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hóa đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí hạch toán bao gồm: Chi phí bảo hiểm hàng hóa, tiền thuê kho, thuê bến bãi, chi phí vận chuyển, bốc xếp ...

- Hạch toán chi phí mua hàng:

Nợ TK 1562: Chi phí thu mua hàng hóa.

Nợ Tk 1331: VAT (nếu có)

Có Tk 111, 112, 331: Tổng tiền thanh toán.

- Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa theo tiêu thức giá trị hàng mua:

$\text{Chi phí mua hàng phân bổ cho hàng nhập kho} = \frac{\text{Tổng chi phí mua hàng}}{\text{Tổng giá trị hàng mua}} \times \text{Giá trị từng mặt hàng}$

Phân bổ chi phí theo cách thức này có độ chính xác cao hơn, do đó những lô hàng có chênh lệch giá trị lớn thì nên sử dụng phương pháp này. Tuy nhiên, vì tính toán phân bổ theo tiêu thức giá mua tương đối phức tạp nên trong trường hợp số lượng nhập lớn thì sử dụng phương pháp này sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Phân bổ chi phí mua hàng hóa theo tiêu thức số lượng hàng nhập kho:

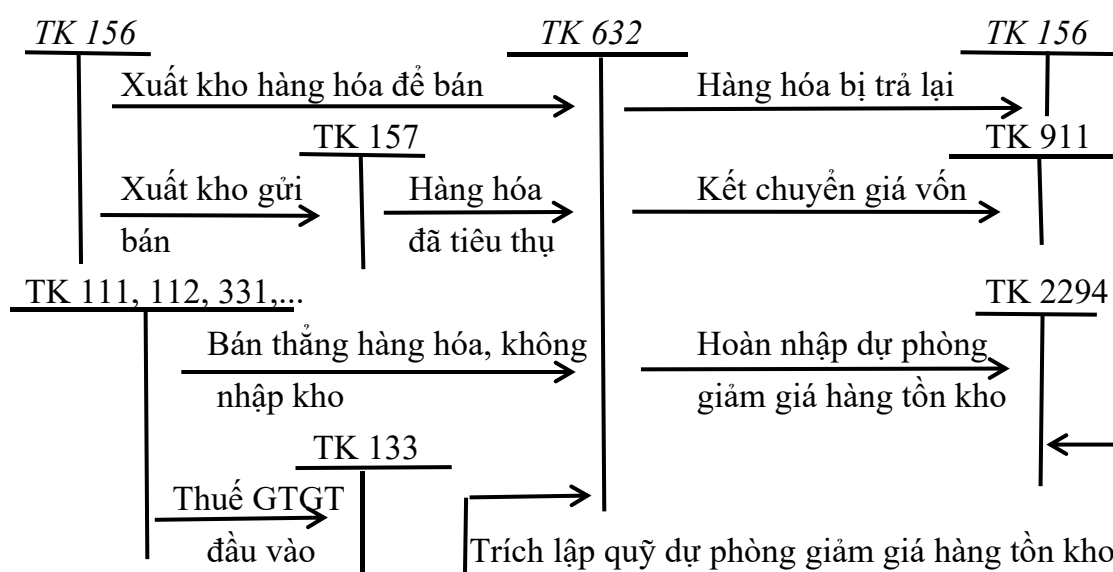
$$\text{Chi phí mua hàng phân bổ cho hàng nhập kho} = \frac{\text{Tổng chi phí mua hàng}}{\text{Tổng số lượng hàng mua}} \times \text{Số lượng từng mặt hàng}$$

Đây là phương pháp phân bổ chi phí vận chuyển được nhiều kế toán lựa chọn hơn vì tính toán dễ dàng hơn. Tuy nhiên, kết quả của phân bổ chi phí theo số lượng từng mặt hàng mang tính chất tương đối vì còn phụ thuộc vào số lượng hàng hóa mà đã nhập về kho.

Theo Thông tư 99, tài khoản 632 tiếp tục dùng để phản ánh giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ. Tuy nhiên, một điểm khác biệt đáng chú ý giữa Thông tư 200 và Thông tư 99 là cách xử lý chi phí thu mua hàng hóa. Theo Thông tư 200, doanh nghiệp sử dụng TK 1562 – “Chi phí thu mua hàng hóa” để tập hợp các khoản chi phí như: vận chuyển, bốc xếp,... và thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán hoặc hàng tồn kho cuối kỳ. Thông tư 99 đã bãi bỏ TK 1562 nhằm đơn giản hóa hệ thống tài khoản kế toán. Các khoản chi phí thu mua, đặc biệt là các khoản có giá trị lớn, sẽ được ghi nhận trực tiếp vào giá trị hàng hóa trên TK 156 thay vì tập hợp riêng để phân bổ như trước. Khi hàng hóa được xuất bán, các khoản chi phí này sẽ tự động được tính vào TK 632 thông qua giá trị hàng xuất kho.

1.2.3.5. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.6. Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

1.3.1.1. Nội dung.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 91 của Thông tư 200/2014/TT-BTC, chi phí bán hàng là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Bảng chấm công; bảng lương; bảng phân bổ tiền lương; phiếu xuất, nhập kho NLVL, CCDC; PKT, hóa đơn GTGT, bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, TSCĐ, bảng trích nộp các khoản theo lương....

1.3.1.3. Tài khoản sử dụng.

Căn cứ tại khoản 2, điều 91 thông tư 200/2014/TT-BTC Chi phí bán hàng được ghi nhận và phản ánh theo dõi qua Tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng”

Kết cấu tài khoản 641.

Bên Nợ	Bên Có
Ghi nhận toàn bộ các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ phát sinh trong kỳ	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911-“Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ	

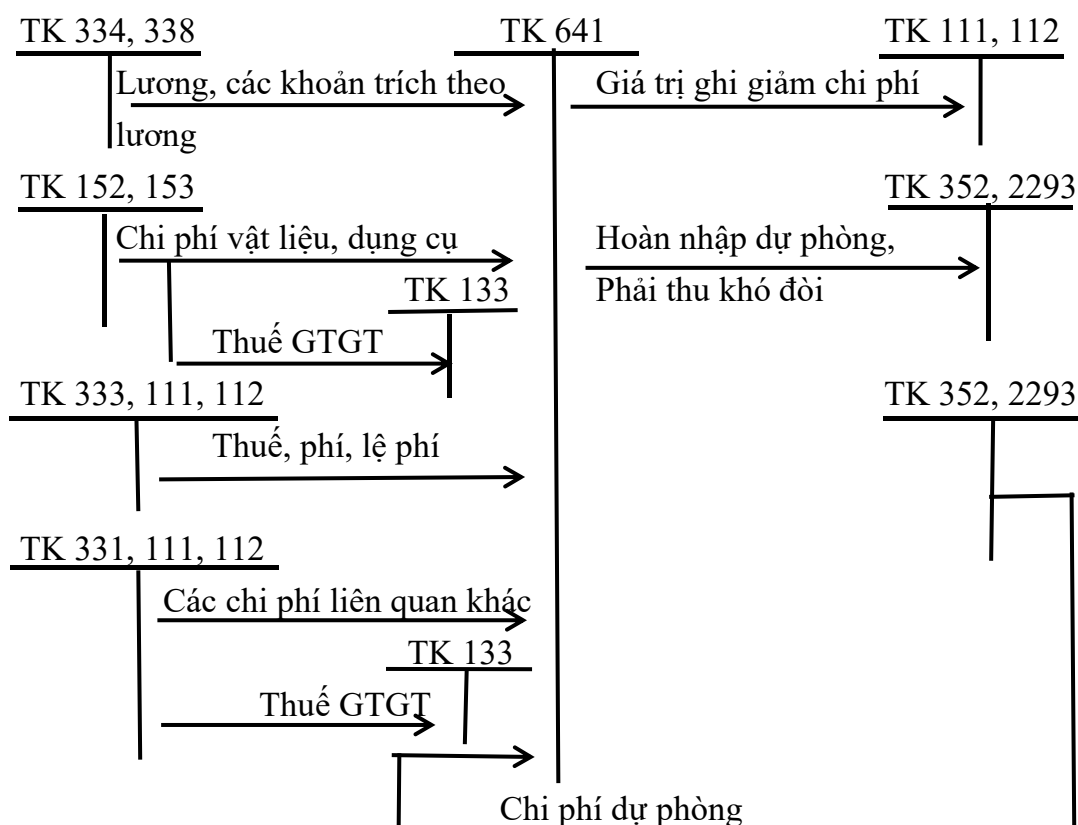
Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng” được mở chi tiết cho từng nội dung chi phí kê trên tương ứng với 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên: Ghi nhận các khoản trả cho nhân viên bán hàng, đóng gói, bảo quản, bao gồm lương, phụ cấp, và các khoản bảo hiểm.
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì: Phản ánh chi phí vật liệu, bao bì dùng trong bảo quản và tiêu thụ sản phẩm như đóng gói, vận chuyển....
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Chi phí dụng cụ hỗ trợ bán hàng như dụng cụ đo lường và phương tiện tính toán....
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao tài sản cố định tại kho, bến bãi, và phương tiện phục vụ bán hàng...
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành: Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (không bao gồm công trình xây lắp)...
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các dịch vụ thuê ngoài như kho bãi, vận chuyển và hoa hồng bán hàng...

- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác: Chi phí tiếp khách, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, và hội nghị khách hàng...

So với thông tư 200 thì Thông tư 99 có sự thay đổi đáng kể. Cụ thể, thông tư mới không còn quy định hệ thống tài khoản cấp 2 cố định như 6411, 6412,... mà cho phép doanh nghiệp tự xây dựng hệ thống chi tiết theo nhu cầu quản trị. Điều này giúp doanh nghiệp có thể tổ chức chi phí bán hàng theo từng kênh phân phối, bộ phận hoặc sản phẩm, từ đó phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị nội bộ.

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.7. Hạch toán chi phí bán hàng

1.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.2.1. Nội dung.

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp: gồm các khoản tiền lương và các khoản phụ cấp, ăn giữa ca phải trả cho lãnh đạo, cán bộ nhân viên các phòng ban và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.
- Chi phí vật liệu phục vụ cho quản lý doanh nghiệp. Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp như nhà văn phòng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị văn phòng....

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê nhà làm văn phòng ... Chi phí khác bằng tiền đã chi ra để phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp như: chi phí tiếp khách cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí tổ chức hội nghị, hội họp, công tác phí, chi phí kiểm toán...

1.3.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Bảng lương; bảng phân bổ tiền lương; Phiếu xuất, nhập kho NLVL, CCDC; bảng phân bổ NLVL, CCDC; Bảng phân bổ chi phí trả trước; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng...

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.

TK 642 - “Chi phí QLDN”: phản ánh các chi phí quản lý của DN gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý của DN (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), BHYT, BHXH, BHTN, kinh phí công đoàn của nhân viên QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị,...)...

Kết cấu tài khoản 642.

Bên Nợ	Bên Có
- Phản ánh các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Phản ánh các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.	

TK 642 được mở chi tiết cho từng nội dung chi phí kể trên tương ứng với các tài khoản cấp 2:

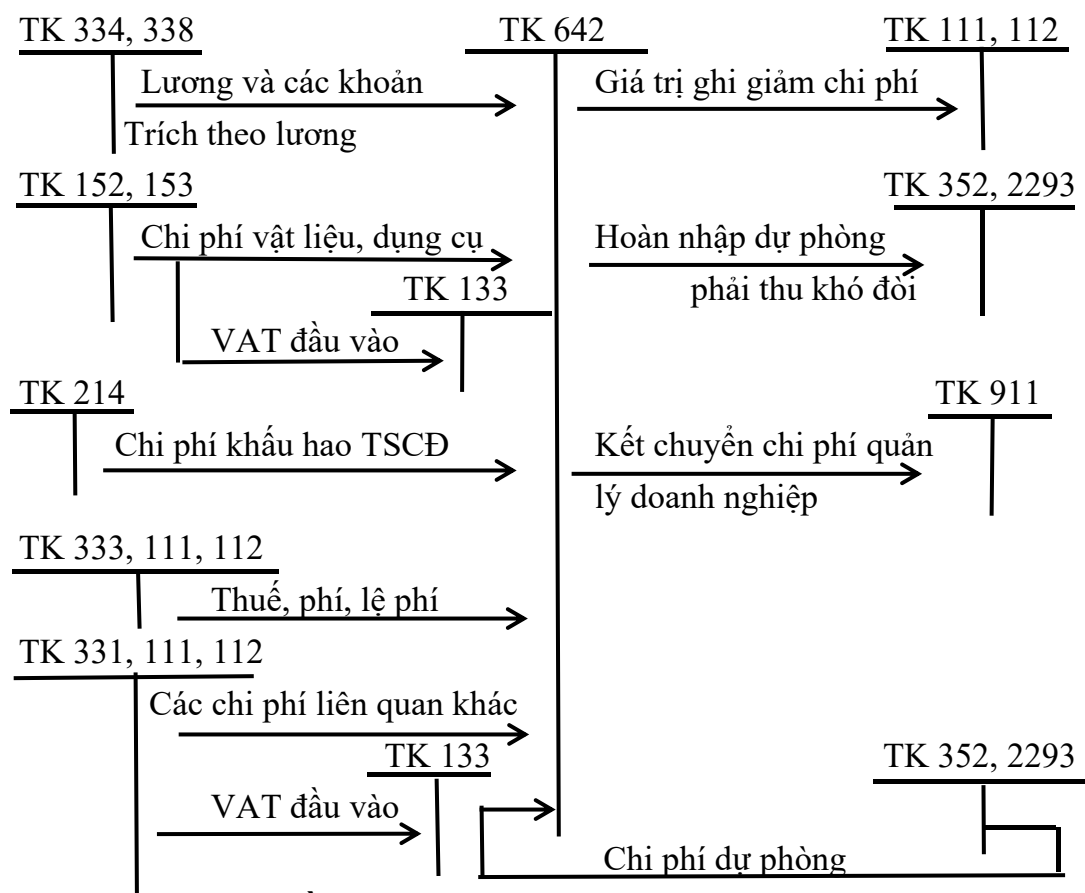
- *Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý:* Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên QLDN như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT,...

- *Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý:* Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác QLDN như: VPP, TSCĐ,...

- *Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng*: Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).
- *Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.
- *Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí*: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.
- *Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng*: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào CPSX, kinh doanh của doanh nghiệp.
- *Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.
- *Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên

Tương tự tài khoản 641, tài khoản 642 trong Thông tư 99 doanh nghiệp không còn bị bắt buộc sử dụng các tài khoản cấp 2 cố định mà có thể chủ động phân loại chi phí quản lý theo đặc điểm tổ chức và yêu cầu quản trị.

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.8. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.3.3.1. Nội dung.

- Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu:
- + Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi tiền gửi ngân hàng, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.3.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Giấy báo có; PT; PKT; Sổ phụ ngân hàng

Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết tài khoản 515; Sổ cái tài khoản 515; Sổ nhật ký chung.

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.

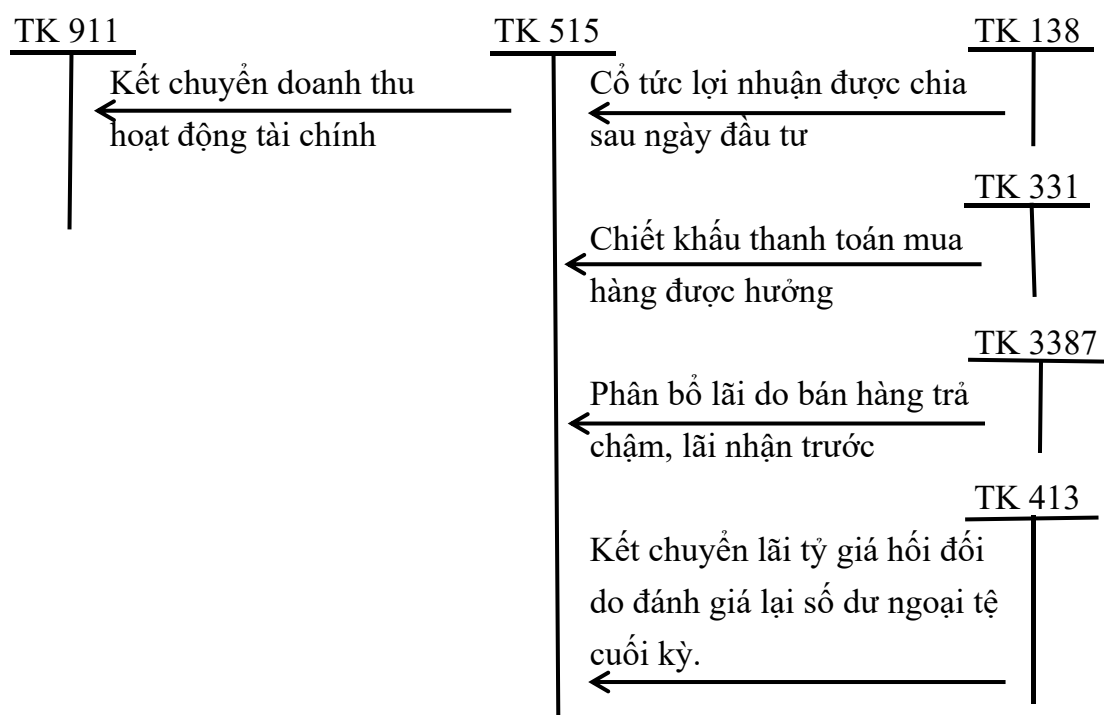
Tài khoản 515 -“Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, lãi chứng khoán, lãi tiền gửi, lãi cho vay, tiền lãi trả chậm, cho thuê tài sản ...tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515.

Bên Nợ	Bên Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ	

Cách xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ so với Thông tư 200 thì theo Thông tư 99 hướng tới việc ghi nhận trực tiếp vào doanh thu tài chính (TK 515) hoặc chi phí tài chính (TK 635) mà không cần thông qua tài khoản 413 cho các khoản mục tiền tệ thông thường. Sự thay đổi này giúp đơn giản hóa quy trình hạch toán, phản ánh kịp thời biến động thị trường vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và tiệm cận gần hơn với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.9. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.3.4. Kế toán chi phí tài chính.

1.3.4.1. Nội dung.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay, lãi thu tài sản thuê tài chính, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác....

1.3.4.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng: PC; Giấy báo nợ; Bảng sao kê tiền gửi ngân hàng.

Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết tài khoản 635; Sổ cái tài khoản 635; Sổ nhật ký chung.

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.

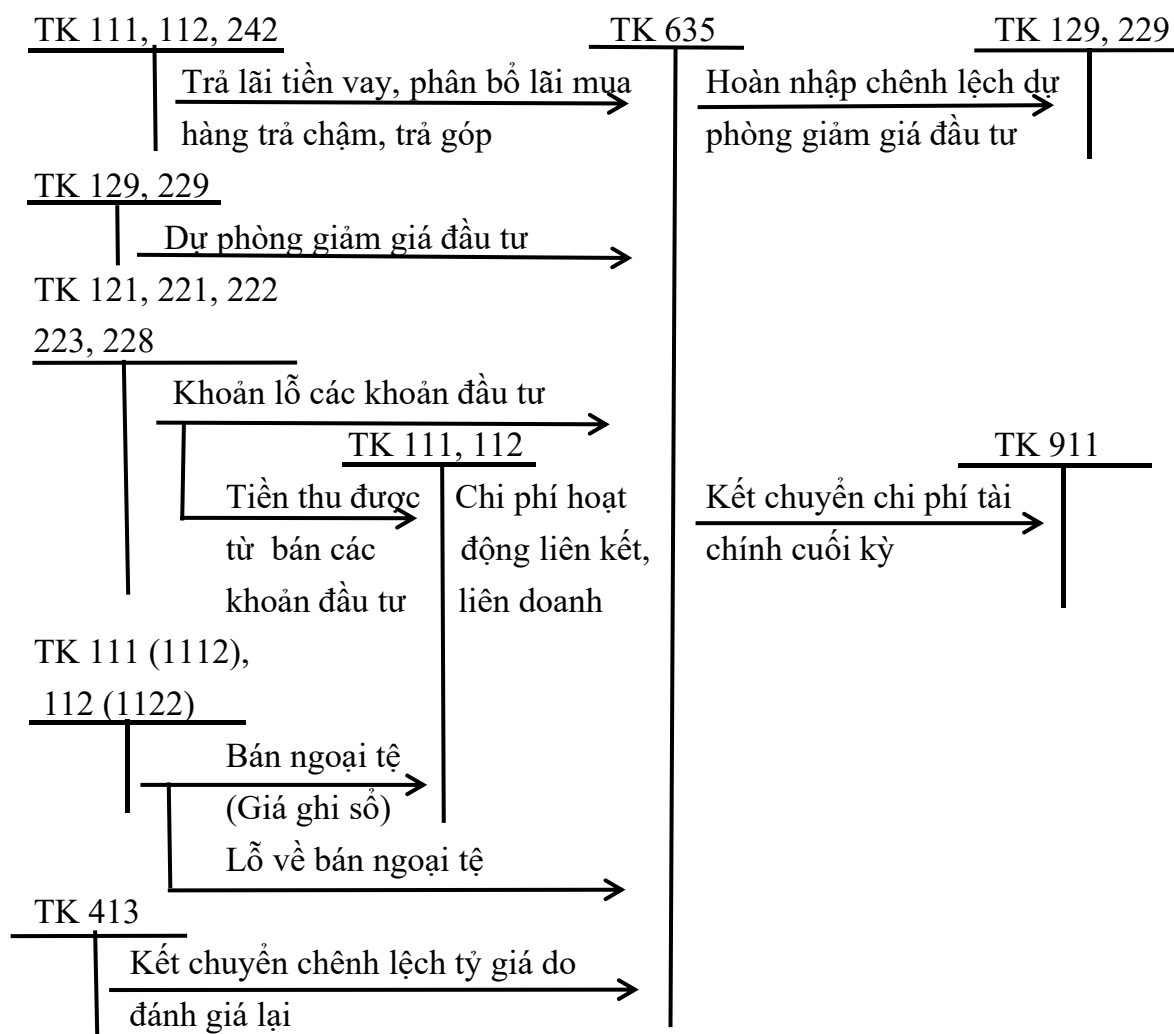
Tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 635.

Bên Nợ	Bên Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết

- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	quả hoạt động kinh doanh.
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ	

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.10. Hạch toán chi phí tài chính .

1.3.5. Kế toán thu nhập khác.

1.3.5.1. Nội dung.

Thu nhập khác là các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý sổ; tiền quy phạm hợp đồng,...

1.3.5.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn, quyết định thanh lý tài sản, biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng thanh lý,...

Sổ sách sử dụng: Sổ cái tài khoản 711; Sổ nhật ký chung.

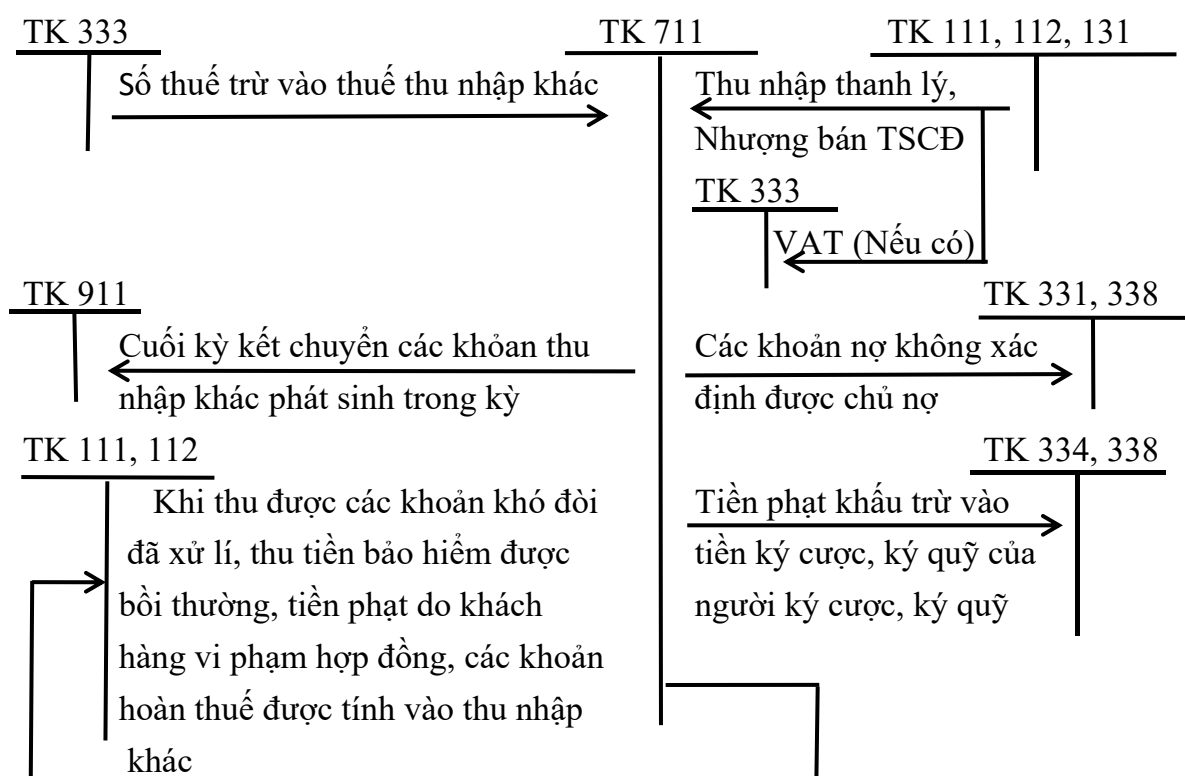
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sử dụng tài khoản 711 - “Thu nhập khác”.

Kết cấu tài khoản.

Bên Nợ	Bên Có
Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ	

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.11. Hạch toán thu nhập khác.

1.3.6. Kế toán chi phí khác.

1.3.6.1. Nội dung.

Chi phí khác gồm các khoản lỗ phát sinh hoặc những chi phí phát sinh từ hoạt động như thanh lý, nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý, chênh lệch, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng,...

1.3.6.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ; PC; Biên bản thanh lý, nhượng bán; Các chứng từ liên quan khác.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái tài khoản 811; sổ nhật ký chung.

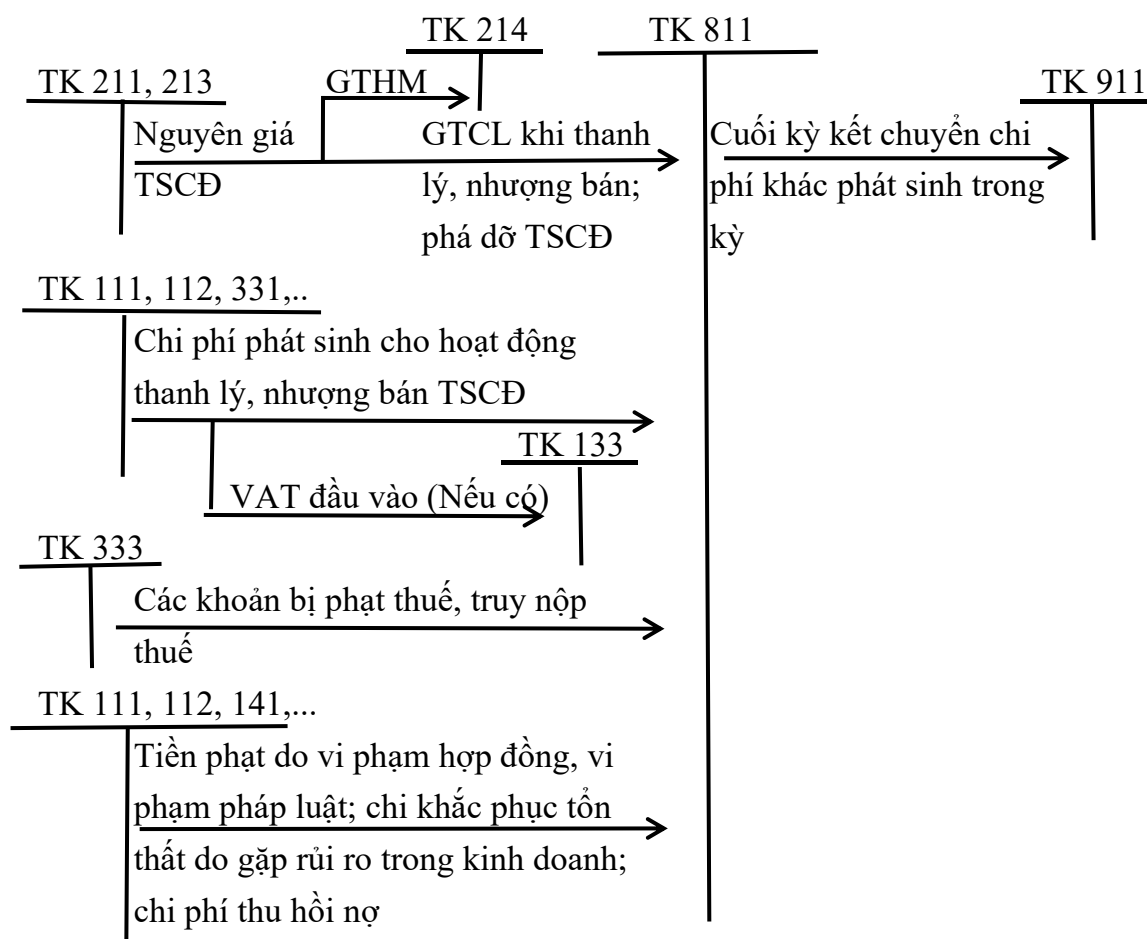
1.3.6.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 811 “Chi phí khác”: Doanh nghiệp sử dụng tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811:

Bên Nợ	Bên Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ	

1.3.6.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.12. Hạch toán chi phí khác.

1.3.7. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.7.1. Nội dung.

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.3.7.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ; Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp; Giấy nộp tiền.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái tài khoản 821; sổ nhật ký chung.

1.3.7.3. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm và làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành doanh nghiệp sử dụng tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Kết cấu tài khoản 821:

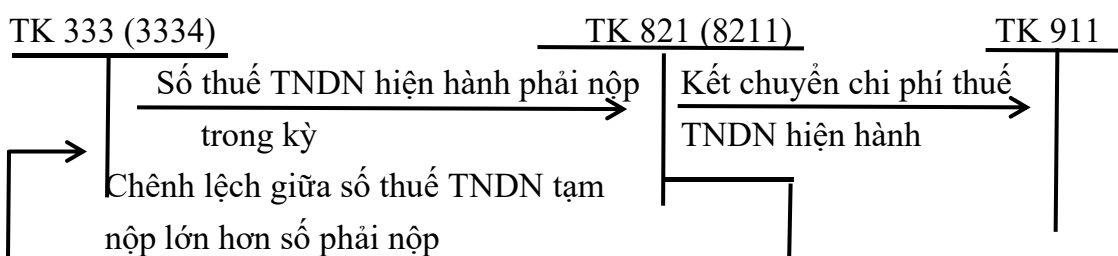
Bên Nợ	Bên Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ	

Tài khoản 821 được mở thành 2 tài khoản chi tiết:

+ *Tài khoản 8211:* Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

+ *Tài khoản 8212:* Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

1.3.7.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.13. Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN) mà doanh nghiệp tư nhân phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH \& CN (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Trong đó:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển} \right)$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Các chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác.}$$

Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Trừ hai trường hợp trên và đối tượng được ưu đãi về thuế suất thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3.8.1. Nội dung.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả kinh doanh là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện.

- Công thức xác định kết quả kinh doanh.

- LN gộp về BH&CCDV = Doanh thu thuần về BH&CCDV - Giá vốn hàng bán.
- LN thuần từ hoạt động kinh doanh = LN gộp về BH&CCDV + (Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính) - (Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp).
- LN khác = Thu nhập khác - Chi phí khác.
- Tổng LNKT trước thuế = LN từ hoạt động kinh doanh + LN khác.
- Tổng LN sau thuế TNDN = Tổng LNKT trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.3.8.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái tài khoản 911, Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết 911.

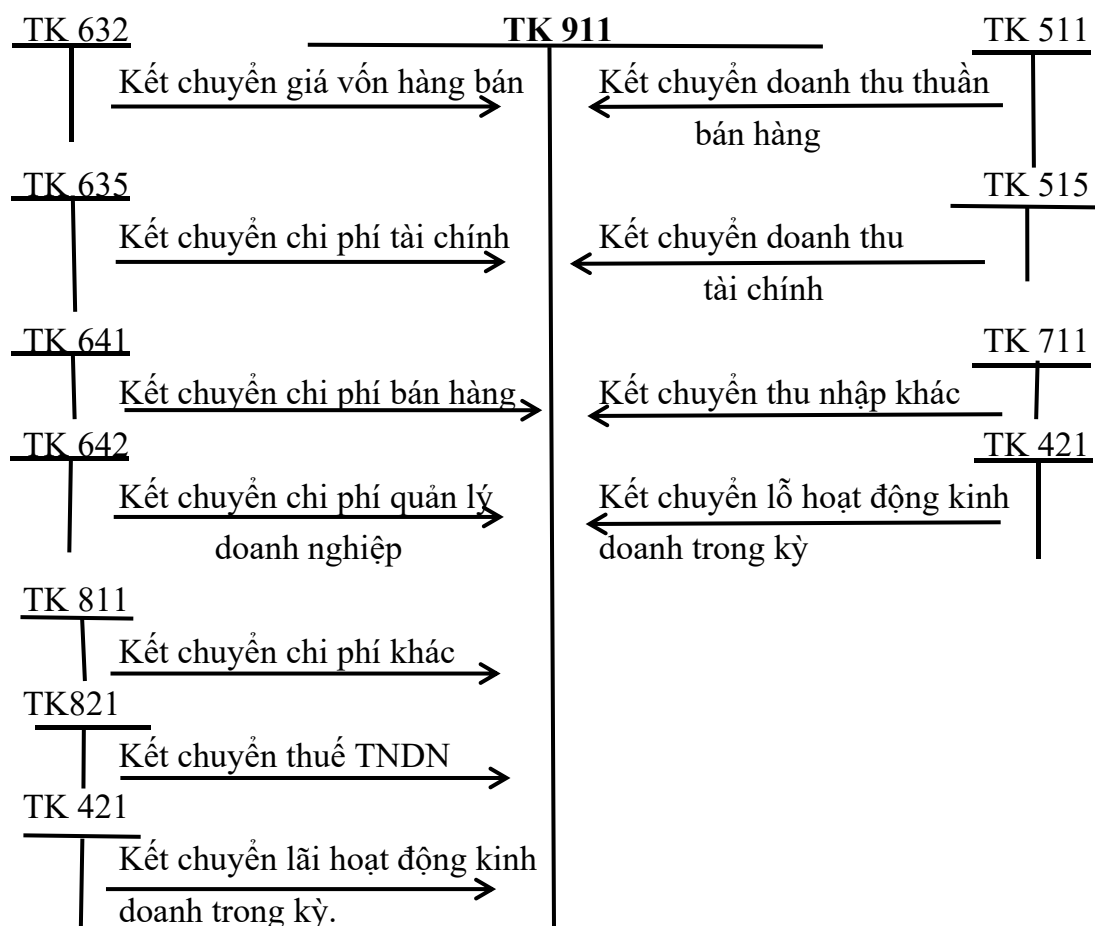
1.3.8.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”: Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết cấu tài khoản 911.

Bên Nợ	Bên Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ.
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ	

1.3.8.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.14. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX.

2.1. Tổng quan về công ty Cổ phần Tiximax.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX.
- Mã số thuế: 0402170386.
- Địa chỉ thuế: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Đại diện pháp luật: NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH
- Ngày thành lập: 07/11/2022.
- Ngành nghề chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su).

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Tiximax.

Công ty Cổ phần Tiximax định hướng hoạt động trong lĩnh vực bán buôn vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt, kết hợp với hoạt động hoàn thiện công trình xây dựng, bán lẻ hàng hoá liên quan, và dịch vụ hỗ trợ vận tải. Dù là một doanh nghiệp trẻ (tính đến năm 2025 mới hoạt động hơn 3 năm), Tiximax đã nhanh chóng mở rộng quy mô. Bên cạnh trụ sở chính tại Đà Nẵng, Tiximax mở rộng chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy chiến lược mở rộng thị trường và gia tăng tiếp cận khách hàng trong các trung tâm kinh tế lớn. Quy mô công ty được ghi nhận ở mức khoảng 25–99 nhân viên theo dữ liệu tuyển dụng và thông tin doanh nghiệp, cho thấy công ty đã phát triển thành một tổ chức vừa đủ quy mô để phục vụ khách hàng khu vực.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty Cổ phần Tiximax.

2.1.2.1. Chức năng.

Công ty Cổ phần Tiximax là một tổ chức kinh doanh hoạt động trong nhiều lĩnh vực liên quan đến thương mại, dịch vụ. Các chức năng chính bao gồm:

- **Kinh doanh thương mại và phân phối hàng hóa:** Mua bán buôn vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt phục vụ xây dựng và hoàn thiện công trình (như xi măng, gạch, kính, thiết bị vệ sinh...). Bán lẻ các mặt hàng thiết bị, đồ dùng phục vụ đời sống và xây dựng tại cửa hàng chuyên doanh.

- **Cung cấp dịch vụ tư vấn và vận chuyển:** Đảm bảo cung cấp các dịch vụ giúp khách hàng tối ưu hóa chi phí khi mua hàng và hàng hóa được bảo quản theo tiêu chuẩn, sẵn sàng cho việc vận chuyển cho khách hàng.

- **Chức năng quản trị và phát triển tổ chức:** Bên cạnh hoạt động kinh doanh, công ty còn thực hiện chức năng:

- + Tổ chức bộ máy quản lý và điều hành hoạt động.
- + Xây dựng quy trình nội bộ cho từng bộ phận.
- + Quản lý nhân sự, đào tạo và đánh giá hiệu quả làm việc.
- + Ứng dụng công nghệ vào quản lý đơn hàng và khách hàng.

2.1.2.2. Nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ về kinh doanh và phát triển thị trường:

- + Tìm kiếm, duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng.
- + Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp từng giai đoạn.
- + Phát triển thương hiệu Tiximax trên thị trường trong nước.
- + Đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của công ty.

- Nhiệm vụ về tài chính – kế toán – tuân thủ pháp luật:

- + Quản lý doanh thu, chi phí và công nợ.
- + Thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.
- + Tuân thủ các quy định về thương mại.
- + Lưu trữ chứng từ kế toán, hợp đồng, hóa đơn.

- Nhiệm vụ chăm sóc khách hàng và đảm bảo chất lượng dịch vụ:

- + Tư vấn rõ ràng về quy trình, chi phí và thời gian khi khách có nhu cầu mua hàng.
- + Giải quyết khiếu nại, thắc mắc của khách hàng.
- + Đảm bảo minh bạch, không phát sinh chi phí bất hợp lý.
- + Xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bán hàng, tổ chức quản lý và tổ chức kế toán của công ty Cổ phần Tiximax.

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bán hàng tại công ty.

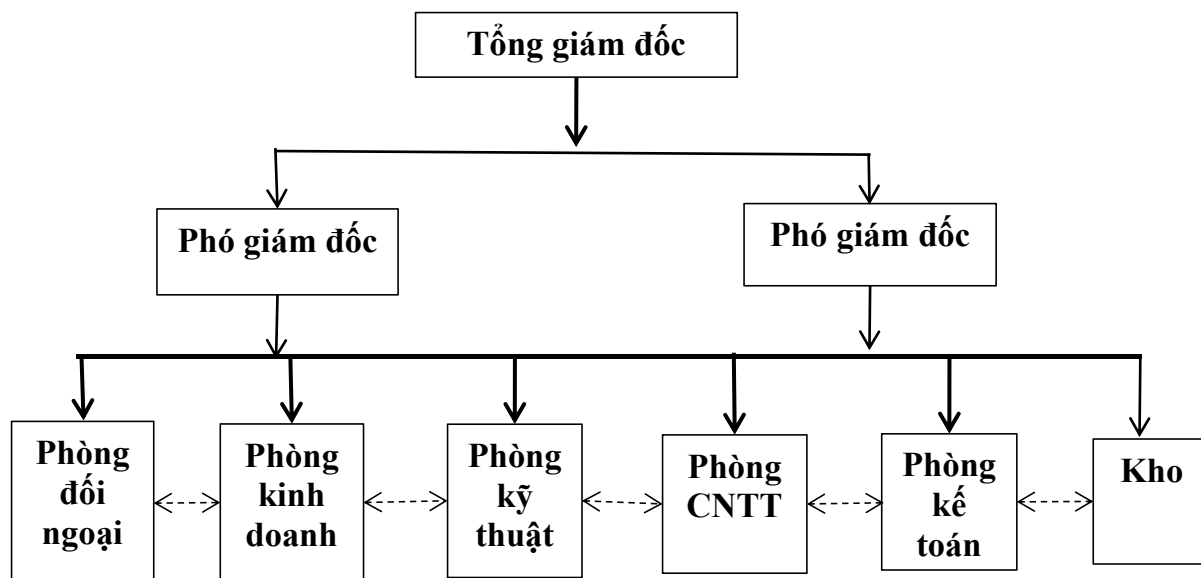
- Hoạt động bán hàng được thực hiện thông qua bộ phận kinh doanh. Khi phát sinh nhu cầu mua hàng, bộ phận kinh doanh sẽ tiếp nhận đơn hàng, tư vấn sản phẩm và báo giá cho khách hàng. Sau khi khách hàng đồng ý, kế toán và thủ kho phối hợp thực hiện xuất hàng, lập hóa đơn GTGT và ghi nhận doanh thu theo quy định. Công ty áp dụng cả hình thức thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản, đồng thời theo dõi công nợ đối với khách hàng mua chịu.

Nhìn chung, công tác tổ chức bán hàng tại Công ty Cổ phần Tiximax có sự phối hợp giữa bộ phận kinh doanh, kế toán và kho hàng, góp phần đảm bảo quá trình bán hàng diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

- Hoạt động kinh doanh tại Tiximax có tính linh hoạt cao, thể hiện ở: Dịch vụ được điều chỉnh theo yêu cầu từng khách hàng, quy trình vận hành có thể thay đổi tùy theo thị trường và đối tác vận chuyển, nhanh chóng thích ứng với biến động về chi phí, thời gian.

2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.

Công ty Cổ phần Tiximax được tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng, trong đó quyền điều hành tập trung ở Ban Giám đốc, đồng thời có sự phân công chuyên môn rõ ràng cho từng bộ phận nghiệp vụ.



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.

Ghi chú:

Chỉ đạo : —————>

Phối hợp: <----->

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban.

- **Tổng giám đốc:** Là người có quyền lực cao nhất và có trách nhiệm chỉ đạo chung về mọi hoạt động của công ty.
- **Phó giám đốc:** Hỗ trợ Giám đốc điều hành, quản lý vận hành và triển khai chiến lược của doanh nghiệp, đóng vai trò cầu nối giữa cấp lãnh đạo và các phòng ban; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực được phân công.
- **Phòng đối ngoại:** Làm việc với các đơn vị cung cấp các dịch vụ, các cơ quan truyền thông. Chịu trách nhiệm tổ chức các sự kiện, các buổi phỏng vấn và các buổi gặp gỡ với giới truyền thông. Qua đó, xây dựng mối quan hệ đối ngoại và phát triển hình ảnh công ty trong mắt công chúng.
- **Phòng kinh doanh:** Tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động kinh doanh nhằm mang lại doanh thu, lợi nhuận, bao gồm nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm/dịch vụ, xây dựng chiến lược bán hàng, quản lý quan hệ khách hàng, và điều phối liên phòng ban, đảm bảo mục tiêu kinh doanh chung.
- **Phòng kỹ thuật:** Quản lý, điều hành các vấn đề kỹ thuật, công nghệ, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiến độ dự án, và vận hành hiệu quả; nhiệm vụ cụ thể bao

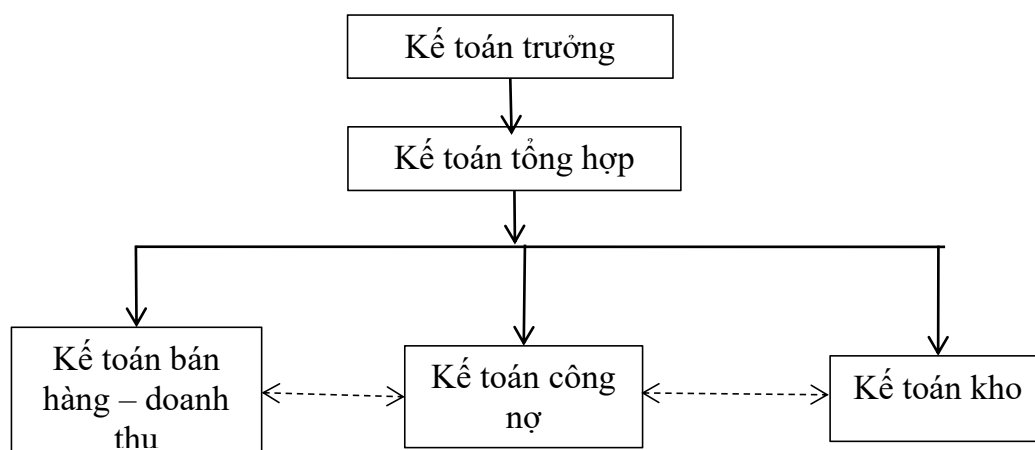
gồm nghiên cứu, lập phương án kỹ thuật, giám sát thi công, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, đào tạo nhân sự, xử lý sự cố và phối hợp liên phòng ban để tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

- **Phòng CNTT:** Tham mưu chiến lược số hóa và vận hành toàn bộ hệ thống kỹ thuật, nhiệm vụ chính bao gồm quản lý hạ tầng phần cứng & mạng, triển khai phần mềm (Kế toán,...), đảm bảo an toàn thông tin & dữ liệu, và hỗ trợ kỹ thuật cho nhân viên, nhằm đảm bảo công nghệ phục vụ hiệu quả cho sản xuất kinh doanh, quản trị và tối ưu hóa quy trình làm việc.
- **Phòng kế toán:** Quản lý toàn bộ hoạt động tài chính, ghi chép, hạch toán chính xác, đồng thời kiểm soát việc sử dụng tài sản, nguồn vốn, ngăn ngừa lãng phí, và tuân thủ pháp luật; nhiệm vụ bao gồm thu thập số liệu, tính toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, cung cấp thông tin cho điều hành.
- **Kho:** Theo dõi số lượng hàng hóa nhập xuất tồn. Kiểm tra tính chính xác các giấy yêu cầu nhập xuất hàng theo đúng quy trình, lưu ý về loại hàng, số lượng hàng và chữ ký các bên liên quan. Kiểm tra định kỳ số lượng hàng nhập và xuất kho. Phối hợp với phòng kinh doanh trong việc giao hàng cho khách hàng.

2.1.3.3. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty.

a) Tổ chức bộ máy kế toán.

❖ Sơ đồ bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty.

Ghi chú:

Chỉ đạo: —————>

Phối hợp: <----->

❖ Chức năng, nhiệm vụ các bộ phận.

- **Kế toán trưởng:** Là người tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán – tài chính của công ty; chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và pháp luật

về tính trung thực, hợp lý của thông tin kế toán. Các nhiệm vụ chính gồm: Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hình thức kế toán Nhật ký chung; ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy trình kế toán nội bộ; kiểm tra việc ghi chép Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ chi tiết; ký duyệt chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế; tham mưu cho Ban Giám đốc trong quản lý tài chính, sử dụng vốn và kiểm soát chi phí.

- **Kế toán tổng hợp:** Là bộ phận trung tâm của bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm ghi sổ Nhật ký chung, tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính. Kế toán tổng hợp thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra chứng từ do các kế toán phân hành chuyển đến; ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung; đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái và sổ chi tiết; lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị theo quy định.
- **Kế toán bán hàng – doanh thu:** Chịu trách nhiệm theo dõi và phản ánh toàn bộ nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty. Từ việc lập hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ đúng quy định; ghi nhận doanh thu, thuế GTGT đầu ra; theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng, đơn hàng; lập bảng kê bán hàng định kỳ; cung cấp chứng từ cho kế toán tổng hợp để ghi Nhật ký chung.
- **Kế toán công nợ:** Có chức năng theo dõi và quản lý các khoản phải thu, phải trả, đảm bảo công tác thanh toán diễn ra đúng hạn. Nhiệm vụ bao gồm: Theo dõi công nợ khách hàng và nhà cung cấp; lập phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, đối chiếu công nợ định kỳ với khách hàng và nhà cung cấp; phối hợp với bộ phận kinh doanh trong việc thu hồi công nợ; cung cấp chứng từ cho kế toán tổng hợp ghi vào Nhật ký chung.
- **Kế toán kho:** Kế toán kho chịu trách nhiệm phản ánh tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa của công ty một cách chính xác và kịp thời. Kế toán kho lập và kiểm tra phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; theo dõi số lượng và giá trị hàng tồn kho; tham gia kiểm kê kho định kỳ và đột xuất; cung cấp số liệu tồn kho phục vụ quản lý.

b) Hình thức kế toán tại công ty.

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán “**Nhật ký chung**”.

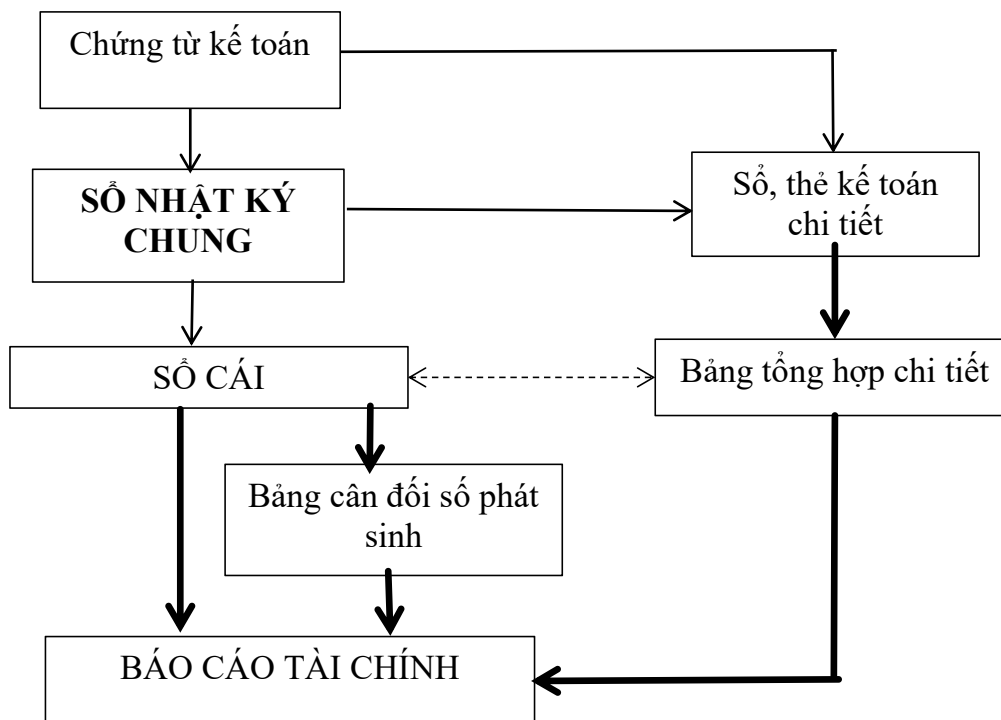
Để công tác kế toán trở nên thuận tiện, nhanh chóng công ty đã áp dụng **phần mềm kế toán SMARTPRO** giúp cho việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán, theo dõi các phân hành, các tài khoản và lập báo cáo tài chính trở nên dễ dàng, nhanh gọn. Kế toán chỉ cần khai thác chính xác số liệu ban đầu và khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ cần nhập chính xác vào phần mềm, đúng tên tài khoản, số liệu

như chứng từ gốc, chương trình sẽ tự động chuyển vào sổ nhật ký chung, các sổ chi tiết, sổ cái, các bảng phân bổ, các báo cáo.



Hình 2.1: Giao diện chính của phần mềm SMARTPRO.

❖ **Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.**



Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

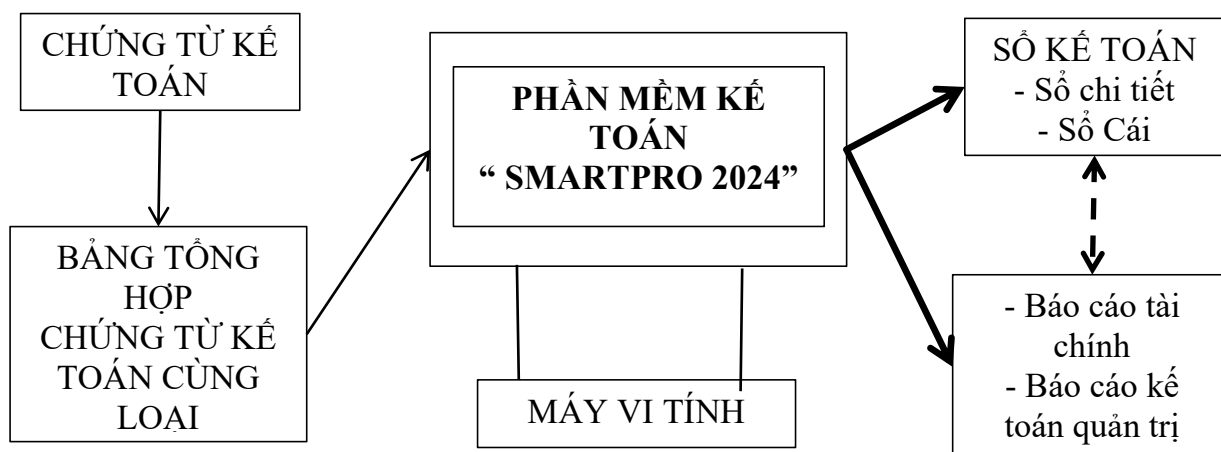
Ghi chú:

Ghi hằng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

❖ **Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính.**



Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
 Ghi cuối tháng: $\longrightarrow$
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

• **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán Smartpro.**

Thực tế quy trình ghi sổ kế toán trên phần mềm máy tính ở Công ty Cổ phần Tiximax được thể hiện qua sơ đồ trên.

- *Hàng ngày*: Kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán.

- *Định kỳ cuối quý, tháng*: Kế toán thực hiện việc thu thập chứng từ, hoá đơn GTGT để thực hiện báo cáo thuế hàng quý. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với chứng từ gốc. Cuối năm kế toán tổng hợp sẽ thực hiện kết sổ (khóa sổ) và lập báo cáo tài chính, sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

c) **Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán.**

Công ty Cổ phần Tiximax áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015. Bắt đầu từ ngày 01/01/2026 Công ty sẽ chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

- Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm dương lịch.
- Kỳ kế toán: 01/01 đến 31/12/2025.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân gia quyền cuối kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian trích khấu hao được áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC.
- Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp Khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phần mềm kế toán sử dụng: phần mềm **SMARTPRO**.
- Hình thức hóa đơn: **Hóa đơn điện tử VIN - HOADON**.

2.2. Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

2.2.1. Đặc điểm bán hàng tại công ty Cổ phần Tiximax.

2.2.1.1. Các nhóm sản phẩm, hàng hóa tại công ty.

Hoạt động bán hàng tại Công ty Cổ phần Tiximax mang đặc trưng của doanh nghiệp thương mại – dịch vụ. Sơn và vật liệu xây dựng là một trong những nhóm mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Tiximax, phục vụ cho nhu cầu xây dựng, sửa chữa và hoàn thiện công trình dân dụng cũng như công trình thương mại. Do đó, “hàng hóa” tại Tiximax bao gồm:

STT	NHÓM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh, ván, sơn...
2	Dịch vụ tư vấn	Hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến, tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa, hỗ trợ thiết kế nội dung quảng cáo...

2.2.1.2. Phương thức bán hàng.

- Bán lẻ hàng hóa: Thường bán lẻ cho các khách hàng cá nhân mua ít sản phẩm, hàng hóa của công ty.
- Bán buôn hàng hóa: Thường là các doanh nghiệp mua với số lượng lớn, các khách hàng thường xuyên của công ty như: Công ty TNHH Xây dựng Khoa Châu, Công ty Cổ phần Lãng Cô Plaza, Công ty Cổ phần Bưu vận nội địa và quốc tế Đông Dương,....

2.2.1.3. Phương thức thanh toán.

- Hình thức thanh toán trực tiếp: Khách hàng sau khi nhận được hàng sẽ thanh toán

ngay có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, quét thẻ tại công ty.

- Hình thức thanh toán trả sau: Áp dụng cho khách hàng làm ăn lâu dài và ký kết hợp đồng với công ty, sau khi khách hàng đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán sẽ được ghi vào công nợ và thanh toán định kỳ tùy vào cam kết trong hợp đồng kinh tế.

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh doanh thu từ các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm công ty cổ phần Tiximax đã sử dụng TK 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. TK 511 được chi tiết thành hai tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.

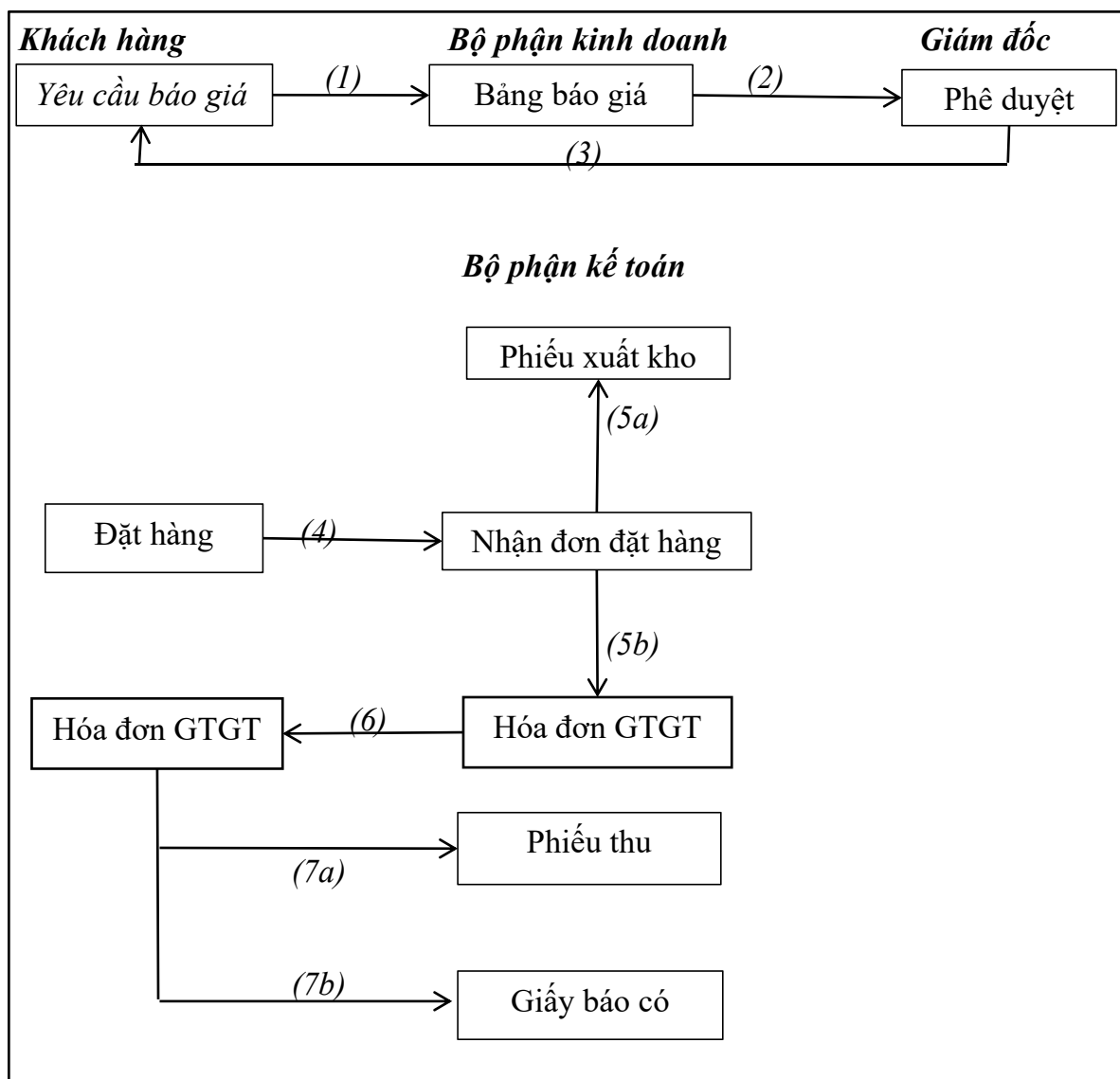
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu xuất kho.
- Giấy báo có (nếu khách thanh toán bằng chuyển khoản).
- Để thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra và theo dõi chặt chẽ quá trình tiêu thụ hàng hóa, công ty còn sử dụng một số chứng từ khác như hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa,

2.2.2.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ tổng hợp:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái tài khoản 511
- Sổ chi tiết:
 - + Sổ chi tiết tài khoản 5111
 - + Sổ chi tiết tài khoản 5113
 - + Sổ chi tiết bán hàng

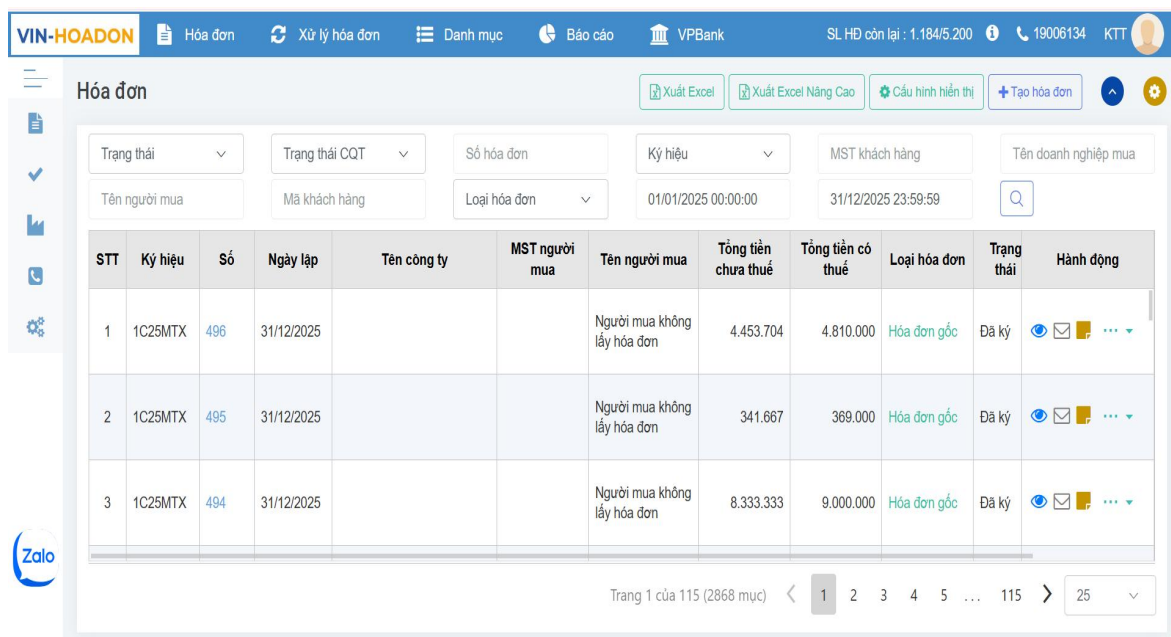
2.2.2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.



Sơ đồ 2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ

Diễn giải:

- Khi khách hàng có nhu cầu tìm hiểu, hoặc mua hàng tại công ty, khách hàng gửi yêu cầu báo giá đến phòng kinh doanh bằng phương thức gửi mail/ zalo..., phòng kinh doanh tiếp nhận và làm bảng báo giá gửi Giám đốc phê duyệt và gửi cho khách hàng.
- Sau khi xem báo giá, khách hàng xem xét và quyết định đặt hàng. Bộ phận kinh doanh sẽ chuyển đơn hàng cho bộ phận kế toán, kế toán sẽ tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng.
- Kế toán lập phiếu xuất kho hàng các hàng hóa trong đơn đặt hàng. Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT bằng cách vào phần mềm hóa đơn điện tử VIN-HOADON để xuất hóa đơn GTGT và gửi hóa đơn GTGT qua mail/zalo...của khách hàng.



Hình 2.2: Giao diện phần mềm VIN-HOADON.

- Sau khi khách hàng nhận hóa đơn GTGT và đồng ý thanh toán.
- + Thanh toán bằng tiền mặt cho công ty, bộ phận kế toán sẽ tiến hành lập phiếu thu (liên 1 và liên 2). Phiếu thu liên 2 kế toán giao cho khách hàng.
- + Trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Cuối tháng kế toán nhận giấy báo có từ ngân hàng để hạch toán vào phần mềm.
- Kế toán sẽ ghi nhận doanh thu vào phần mềm căn cứ trên hóa đơn GTGT đã phát hành đồng thời phiếu xuất kho cũng sẽ được xuất ra trên cơ sở của hóa đơn GTGT. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi nhận vào sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

2.2.2.5. Nghiệp vụ minh họa.

Công ty có 2 nguồn doanh thu chính là: Doanh thu bán hàng hóa và Doanh thu cung cấp dịch vụ.

a). Doanh thu bán hàng.

❖ **Nghiệp vụ minh họa 1:** Ngày 11/12/2025 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BÌNH PHÚ đã đến công ty để tìm hiểu và mua loại sơn: SƠN JOTAPLAST BASE A 16.2L với số lượng 11 PCS, đơn giá 884.933 đồng (thành tiền chưa thuế là 9.734.259 đồng). Thuế GTGT 8%, khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản.

- Sau khi lập hóa đơn GTGT số 151 ngày 11/12/2025, kế toán tiếp tục nhập liệu vào phần mềm Smartpro với đúng loại doanh thu và nhấn lưu phần mềm sẽ tự động ghi vào Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511 và Sổ chi tiết doanh thu bán hàng TK 5111. Dưới đây là hóa đơn GTGT số 151:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 Bán thể hiện của hóa đơn điện tử
 (Electronic invoice display)
 Ngày (date) 11 tháng (month) 12 năm (year) 2025
Mã QGT: M1-25-ZX7OQ-00003849188

Ký hiệu (Serial No): 1C25MTX
Số (No.): 151



Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
Mã số thuế/Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Tax code): 0402170386
Địa chỉ (Address): 338 Nguyễn Hữu Thọ - Phường Cẩm Lệ - Đà Nẵng - Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0934983490 **Email: hoanganh@tiximax.net**
Fax: **Website:**
Số tài khoản (A/C No):

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BÌNH PHÚ
Địa chỉ (Address): Số 14 đường Hàm Nghi, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Mã số thuế/Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Tax code): 6000741721
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):
CCCD/Hộ chiếu (Citizen Identity Card/Passport Number):
Email:

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	SƠN JOTAPLAST BASE A 16.2L	pcs	11	884.933	9.734.259
Cộng tiền hàng (Total amount):					9.734.259
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					778.741
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					10.513.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Mười triệu năm trăm mười ba nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
Ngày ký: 12 / 12 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-huodan.com> Mã số tra cứu: 2P5JDTDJBFFY
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 151.

- Để kết xuất Sổ chi tiết TK 511, cụ thể là TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa, thực hiện các thao tác sau: Vào “Sổ kế toán” → “Sổ chi tiết tài khoản” → Chọn TK 5111 → “In”. Khi đó Sổ chi tiết TK 5111 sẽ hiện ra.

Trích sổ chi tiết TK 5111

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX			Mẫu số S38-DN			
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng			Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC			
Mã số thuế : 0402170386			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa						
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
01/04/25	HDBR.1	01/04/25	Bán hàng hóa	1311	0	15.764.070
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	KC.02	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	501.175.406	0
15/05/25	HDBR.3	15/05/25	Bán hàng hóa	1111	0	5.920.000
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.02	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	882.343.814	0
...	...	...	...	...	...	...
26/09/25	HDBR.1748	26/09/25	Bán hàng hóa	1311	0	85.185
26/09/25	HDBR.1749	26/09/25	Bán hàng hóa	1311	0	925.926
...	...	...	...	...	...	...
30/09/25	HDBR.1784	30/09/25	Bán hàng hóa	1311	0	1.388.889
30/09/25	KC.02	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.069.624.887	0
...	...	...	...	...	...	...
16/10/25	HDBR.1925	16/10/25	Bán hàng hóa	1111	0	1.214.400
16/10/25	HDBR.1926	16/10/25	Bán hàng hóa	1111	0	2.654.325
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	297.594.434	0
...	...	...	...	...	...	...
02/11/25	HDBR.2141	02/11/25	Bán hàng hóa	1311	0	7.777.778
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	626.277.158	0
08/12/25	HDBR.2288	08/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	15.856.178
08/12/25	HDBR.2288	08/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	2.877.600
...	...	...	...	...	...	...
10/12/25	HDBR.2291	10/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	8.349.708
11/12/25	HDBR.151	11/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	9.734.259
12/12/25	HDBR.153	12/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	3.786.111
12/12/25	HDBR.2292	12/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	8.137.963
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.871.455.418	0
			Cộng phát sinh		6.946.164.127	6.946.164.127
			Số dư cuối kỳ		0	0
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
NLS		KTT		NGUYỄN NGOC HOÀNG ANH		

b). Doanh thu cung cấp dịch vụ.

❖ **Nghiệp vụ minh họa 2:** Ngày 31/12/2025, một khách lẻ đã mua gói dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến với giá chưa thuế là 805.556 đồng. Thuế suất thuế GTGT là 8%. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

- Sau khi lập hóa đơn GTGT số 512 (khách hàng không lấy hóa đơn), kế toán tiếp tục nhập liệu vào phần mềm Smartpro với đúng loại doanh thu và nhấn lưu phần mềm sẽ tự động ghi vào Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511 và Sổ chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ TK 5113. Dưới đây là hóa đơn GTGT số 512.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
 (Electronic invoice display)
 Ngày (date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2025
Mã QGT: M1-25-ZX70Q-00003900000

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
Mã số thuế/Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Tax code): 0402170386
Địa chỉ (Address): 338 Nguyễn Hữu Thọ - Phường Cẩm Lệ - Đà Nẵng - Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0934983490 **Email:** hoanganh@tiximax.net
Fax: **Website:**
Số tài khoản (A/C No):

Ký hiệu (Serial No): 1C25MTX
Số (No.): 512



Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname): Người mua không lấy hóa đơn
Tên đơn vị (Company's name):
Địa chỉ (Address): Người mua không cung cấp địa chỉ
Mã số thuế/Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Tax code):
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):
CCCD/Hộ chiếu (Citizen Identity Card/Passport Number):
Email:

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Dịch vụ hỗ trợ mua hàng và tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa				805.556
Cộng tiền hàng (Total amount):					805.556
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					64.444
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					870.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Tám trăm bảy mươi nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Sign & Fullname)

Signature valid
 Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
 Ngày ký: 31 / 12 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1EF00TSJDQPA
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 512.

- Để kết xuất Sổ chi tiết TK 511, cụ thể là TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ, thực hiện các thao tác sau: Vào “Sổ kế toán” → “Sổ chi tiết tài khoản” → Chọn TK 5113 → “In”. Khi đó Sổ chi tiết TK 5113 sẽ hiện ra.

Trích sổ chi tiết TK 5113

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
16/05/25	HD.10	16/05/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311	0	481.482
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	47.691.577	0
02/06/25	HD.272	02/06/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1111	0	122.685
03/06/25	HD.273	03/06/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1111	0	1.153.241
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	379.281.447	0
...	...	...	...	...	...	...
12/09/25	HD.1504	12/09/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311	0	635.556
12/09/25	HD.1505	12/09/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311	0	277.778
...	...	...	...	...	...	...
30/09/25	KC.03	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	401.579.843	0
...	...	...	...	...	...	...
12/10/25	HD.1910	12/10/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311	0	1.562.778
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	320.979.956	0
03/11/25	HD.2142	03/11/25	Dịch vụ tư vấn mua hàng hóa	1311	0	134.259
03/11/25	HD.2143	03/11/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311	0	1.136.111
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	89.165.897	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	HD.511	31/12/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311	0	309.259
31/12/25	HD.512	31/12/25	Dịch vụ hỗ trợ mua hàng và tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311	0	805.556
31/12/25	HD.513	31/12/25	Dịch vụ tư vấn mua hàng hóa	1311	0	282.407
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	373.510.704	0
			Cộng phát sinh		2.553.590.046	2.553.590.046
			Số dư cuối kỳ		0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

NLS

Kế toán trưởng

KTT

Giám đốc

NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

- Để kết xuất Sổ chi tiết bán hàng, thực hiện các thao tác sau: Vào “Sổ kế toán” → “Sổ chi tiết bán hàng” → Nhập thời gian từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 → “In”. Khi đó Sổ chi tiết bán hàng sẽ hiện ra.

Trích sổ chi tiết bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

MST : 0402170386

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
01/04/25	1	01/04/25	SƠN WATERGUARD XÁM NHẬT 8563 20KG	1311	6,00	2.627.345	15.764.070		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
16/05/25	24	16/05/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311			722.222		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/06/25	445	13/06/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311			184.482		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/07/25	737	25/07/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311			821.667		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/08/25	1186	25/08/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311			138.889		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
12/09/25	1494	12/09/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311			2.612.500		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
24/10/25	1930	24/10/25	SƠN NƯỚC VATEX 9102 WHITE 17L	1111	4,00	364.501	1.458.002		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/11/25	2250	13/11/25	SƠN NƯỚC SUPER MATEX SEALER 17L (SND)	1311	2,00	974.074	1.948.148		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12/25	150	11/12/25	Thanh toán giá trị đợt 1 theo Phụ lục số 01/2025, kèm theo Thỏa thuận khung số 2025/0115/TTK/BIGASIA	1311			327.613.738		
11/12/25	151	11/12/25	SƠN JOTAPLAST BASE A 16.2L	1311	11,00	884.933	9.734.259		
12/12/25	152	12/12/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311			1.006.944		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	511	31/12/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311			309.259		
31/12/25	512	31/12/25	Dịch vụ hỗ trợ mua hàng và tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311			805.556		
31/12/25	513	31/12/25	Dịch vụ tư vấn mua hàng hóa	1311			282.407		
31/12/25	514	31/12/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311			282.407		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	566	31/12/25	Dịch vụ hỗ trợ mua hàng và tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311			282.407		
			TỔNG CỘNG				9.499.754.173		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

NLS

Kế toán trưởng

KTT

Giám đốc

NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

c). Tổng hợp doanh thu.

- Từ hai nghiệp vụ minh họa 1 và nghiệp vụ minh họa 2 tương tự như các bước kết xuất Sổ chi tiết tài khoản, để kết xuất Sổ Nhật ký chung: Vào “Sổ kế toán” → “Sổ Nhật ký chung” → Nhập thời gian từ 01/1/2025 đến 31/12/2025 → “In”. Khi đó Sổ Nhật ký chung sẽ hiện ra. Để xem hai bút toán ghi nhận doanh thu của hai nghiệp vụ minh họa trên sổ nhật ký chung xem tại trang 74 và trang 75.

- Để kết xuất Sổ Cái tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, thực hiện các thao tác sau: Vào “Sổ kế toán” → “Sổ Cái tài khoản” → Chọn TK 511 → “In”. Khi đó Sổ Cái TK 511 sẽ hiện ra.

Trích sổ cái TK 511.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX				Mẫu số S03b-DN		
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC		
Mã số thuế : 0402170386				ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Mã hiệu :511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25						
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
01/04/25	HDBR.1	01/04/25	Bán hàng hóa	1311	0	58.923.811
16/04/25	HDBR.2	16/04/25	Bán hàng hóa	1111	0	442.251.595
30/04/25	KC.02	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	501.175.406	0
...	...	...	...	...	...	...
22/05/25	HDBR.31	22/05/25	Bán hàng hóa	1111	0	3.090.906
24/05/25	HD.41	24/05/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1111	0	472.222
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.02	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	882.343.814	0
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	47.691.577	0
...	...	...	...	...	...	...
10/06/25	HDBR.388	10/06/25	Bán hàng hóa	1311	0	5.509.259
11/06/25	HD.389	11/06/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1111	0	2.654.630
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.02	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	968.973.712	0
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	379.281.447	0
...	...	...	...	...	...	...
14/10/25	HD.1923	14/10/25	Dịch vụ tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1111	0	1.451.852
15/10/25	HDBR.1924	15/10/25	Bán hàng hóa	1111	0	4.322.724
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	297.594.434	0
31/10/25	KC.03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	320.979.956	0
01/11/25	HDBR.2100	01/11/25	Bán hàng hóa	1311	0	16.638.889
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	626.277.158	0
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	89.165.897	0
...	...	...	...	...	...	...
10/12/25	HDBR.2291	10/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	16.666.666
11/12/25	HDBR.151	11/12/25	Bán hàng hóa	1311	0	9.734.259
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	HD.511	31/12/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến	1311	0	309.259
31/12/25	HD.512	31/12/25	Dịch vụ hỗ trợ mua hàng và tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	1311	0	805.556
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.871.455.418	0
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	373.510.704	0
			CỘNG PHÁT SINH		9.499.754.173	9.499.754.173
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		9.499.754.173	9.499.754.173
					Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	
	NLS		KTT		NGUYỄN NGOC HOÀNG ANH	

2.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong kỳ kế toán vừa qua, hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Tiximax diễn ra vô cùng ổn định và hiệu quả, thể hiện rõ nét qua việc không phát sinh các khoản nghiệp vụ giảm trừ doanh thu. Toàn bộ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được ghi nhận là doanh thu thuần, do không có bất kỳ trường hợp nào liên quan đến chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hay hàng bán bị trả lại.

2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.4.1. Tài khoản sử dụng.

Để có thể hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”.

2.2.4.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Công ty cổ phần Tiximax dùng phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ để tính giá xuất kho cho hàng hóa. Theo đó mỗi cuối tháng kế toán sẽ thực hiện tính giá xuất kho trên phần mềm kế toán.

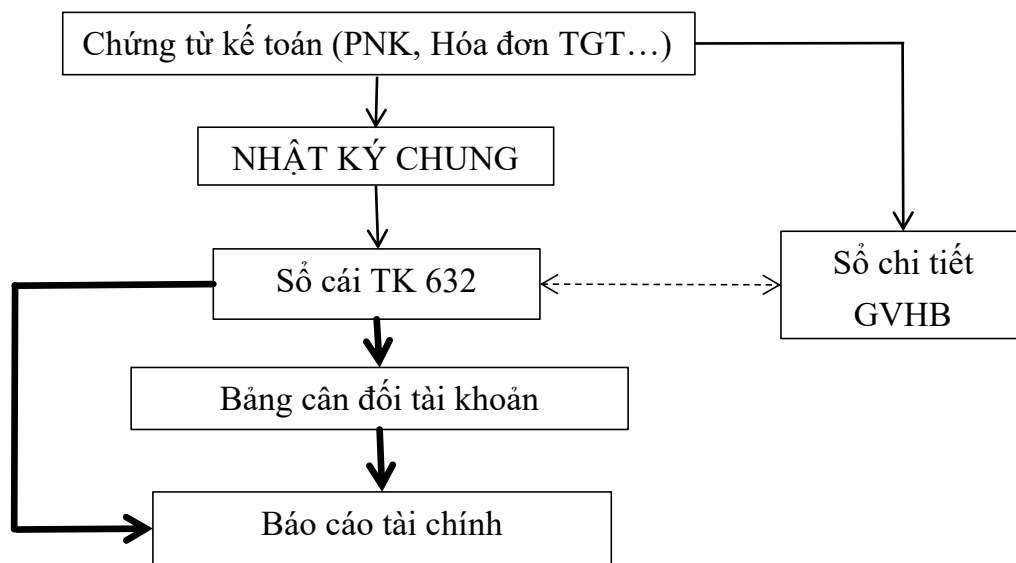
2.2.4.3. Chứng từ sử dụng.

Phiếu xuất kho; hóa đơn GTGT.

2.2.4.4. Sổ sách sử dụng.

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung; sổ cái TK 632; sổ cái TK 154

2.2.4.5. Quy trình luân chuyển chứng từ.



Sơ đồ 2.6. Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

2.2.4.6. Nghiệp vụ minh họa.

a). Giá vốn hàng bán.

Dựa vào nghiệp vụ minh họa số 1 ở trên.

- Ngày 11/12/2025 hóa đơn GTGT số 151 xuất cho Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Bình Phú dựa vào hóa đơn kế toán sẽ toán tiến hành nhập vào phần mềm.

- Mô tả quá trình: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 151 (Nghiệp vụ 1 ngày 11/12/2025), Đơn giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (tháng), giá vốn được xác định là 695.657 đồng. Theo đó vào mỗi cuối tháng kế toán sẽ thực hiện tính giá xuất kho 1 lần trên phần mềm. Khi đó phần mềm sẽ tự cập nhật giá vào giá phiếu xuất kho.

- Dưới đây là phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT số 151.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
MST : 0402170386

Mẫu số : 02 - TT
Ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 11 tháng 12 năm 2025
Người nhận hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BÌNH PHÚ
Theo hóa đơn số : 151 Ngày : 11/12/25
Xuất tại kho : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BÌNH PHÚ
Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ : 151,11/12/2025

Số : 151
Nợ : 632
Có : 156

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	SƠN JOTAPLAST BASE A 16.2L	SONJOTAPLASTA16.2L	pcs	11,00	695.657	7.652.231	
Tiền hàng						7.652.231	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Hình 2.5: Phiếu xuất kho theo hóa đơn 151

b). *Giá vốn cung cấp dịch vụ.*

Dựa vào nghiệp vụ minh họa số 2 ở trên.

- Ngày 31/12/2025, Hóa đơn GTGT số 512 cung cấp dịch vụ tư vấn mua hàng trực tuyến cho một khách hàng. Kế toán sẽ ghi nhận giá vốn của dịch vụ.
- Do hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty mang đặc trưng của loại hình dịch vụ phi vật chất, không phát sinh hàng tồn kho và được thực hiện khi khách hàng có nhu cầu. Vì vậy giá vốn dịch vụ của công ty chủ yếu được hình thành từ các chi phí phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ. Cụ thể, giá vốn dịch vụ là tiền lương và chi phí nguyên vật liệu của nhân viên tư vấn.
- Mô tả: Sau khi nhận được yêu cầu tư vấn và mua dịch vụ từ khách hàng , kế toán sẽ tiến hành lập phiếu kế toán số 218.
- Dưới đây là Phiếu kế toán số 218.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
Địa chỉ : 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.
Mã số thuế : 0402170386

Số : 281

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	154		334	0109629780	Chi phí cung cấp dịch vụ theo hóa đơn GTGT số 512	725.000
Tổng cộng						725.000

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hình 2.6: Phiếu kế toán số 18 xuất theo hóa đơn GTGT số 512.

Sau khi lập phiếu kế toán, nhân viên kế toán ghi nhận chi phí vào **Tài khoản 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**, để tập hợp tất cả chi phí tiền lương và chi phí nguyên vật liệu của nhân viên tư vấn. Cuối kỳ khi các dịch vụ hoàn thành và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu, kế toán thực hiện kết chuyển toàn bộ chi phí dịch vụ đã tập hợp từ tài khoản 154 sang **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán** để xác định giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Trích sổ cái TK 154.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632		253.211
...	...	...	...	...	...	...
31/07/25	KC.01	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632		253.211
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.01	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632		253.211
...	...	...	...	...	...	...
13/11/25	PKT200	30/11/25	Chi phí cung cấp dịch vụ theo hóa đơn 2198	334	3.185.185	
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632		4.453.211
31/12/25	PKT281	31/12/25	Chi phí cung cấp dịch vụ theo hóa đơn 512	334	725.000	
31/12/25	PCPB.019/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Card màn hình GIGABYTE Radeon RX 6600 EAGLE 8G (GV-R66EAGLE-8GD) Tháng 12	242	198.697	
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	632		1.396.627.736
			CỘNG PHÁT SINH		3.790.038.560	1.433.763.057
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		2.356.275.503	
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		3.790.038.560	1.433.763.057

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Thực tế tại công ty, giá vốn dịch vụ chủ yếu là chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên trực tiếp thực hiện dịch vụ. Bên cạnh đó, công ty đã theo dõi giá vốn dịch vụ thông qua các tài khoản như: TK 154 để tập hợp chi phí dịch vụ và TK 334, 338 để theo dõi chi phí nhân công và các nguyên vật liệu dùng trong quá trình cung cấp dịch vụ, nên vẫn kiểm soát được đầy đủ giá vốn phát sinh. Do đó, việc theo dõi TK 632 ở mức tổng hợp giúp công ty giảm khối lượng ghi chép kế toán, phù hợp với quy mô bộ máy kế toán và điều kiện thực tế trong quá trình hoạt động.

- ❖ Để kết xuất và in sổ cái TK 632 – Giá vốn hàng bán kế toán thực hiện thao tác:
Vào “Sổ kế toán” → “Sổ cái tài khoản ” → Chọn TK 632 → “In”. Khi đó Sổ cái TK 632 sẽ hiện ra.

Trích sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632-Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	253.211	0
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	253.211
...	...	...	...	...	...	...
01/04/25	PXK.1	01/04/25	Xuất kho theo HD : 1,01/04/2025	156	54.559.089	0
16/04/25	PXK.2	16/04/25	Xuất kho theo HD : 2,16/04/2025	156	437.206.900	0
30/04/25	KC.01	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	253.211	0
30/04/25	KC.04	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	492.019.200
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	PXK.271	31/05/25	Xuất kho theo HD : 271,31/05/2025	156	1.286.495	0
31/05/25	KC.01	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	253.211	0
31/05/25	KC.05	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	837.939.052
...	...	...	...	...	...	...
12/08/25	PXK.1112	12/08/25	Xuất kho theo HD : 1112,12/08/2025	156	3.541.878	0
19/08/25	PXK.1132	19/08/25	Xuất kho theo HD : 1132,19/08/2025	156	4.125.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	KC.06	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	547.173.023
01/09/25	PXK.1394	01/09/25	Xuất kho theo HD : 1394,01/09/2025	156	4.789.402	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	PXK.2051	31/10/25	Xuất kho theo HD : 2051,31/10/2025	156	247.273	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	268.056.881
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	4.453.211	0
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	580.521.575
...	...	...	...	...	...	...
10/12/25	PXK.2291	10/12/25	Xuất kho theo HD : 2291,10/12/2025	156	15.652.111	0
11/12/25	PXK.151	11/12/25	Xuất kho theo HD : 151,11/12/2025	156	7.652.231	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PXK.546	31/12/25	Xuất kho theo HD : 546,31/12/2025	156	3.498.880	0
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	1.396.627.736	0
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	3.011.517.994
			CỘNG PHÁT SINH		7.776.258.651	7.776.258.651
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		7.776.258.651	7.776.258.651
					Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	
	NLS		KTT		NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH	

❖ Để xem sổ nhật ký chung ghi nhận giá vốn hàng bán của hàng hóa và dịch vụ xem tại trang 74 và trang 75.

2.2.5. Kế toán chi phí bán hàng.

2.2.5.1. Tài khoản sử dụng.

Để ghi nhận các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng công ty đã sử dụng TK 641 -"Chi phí bán hàng" để hạch toán.

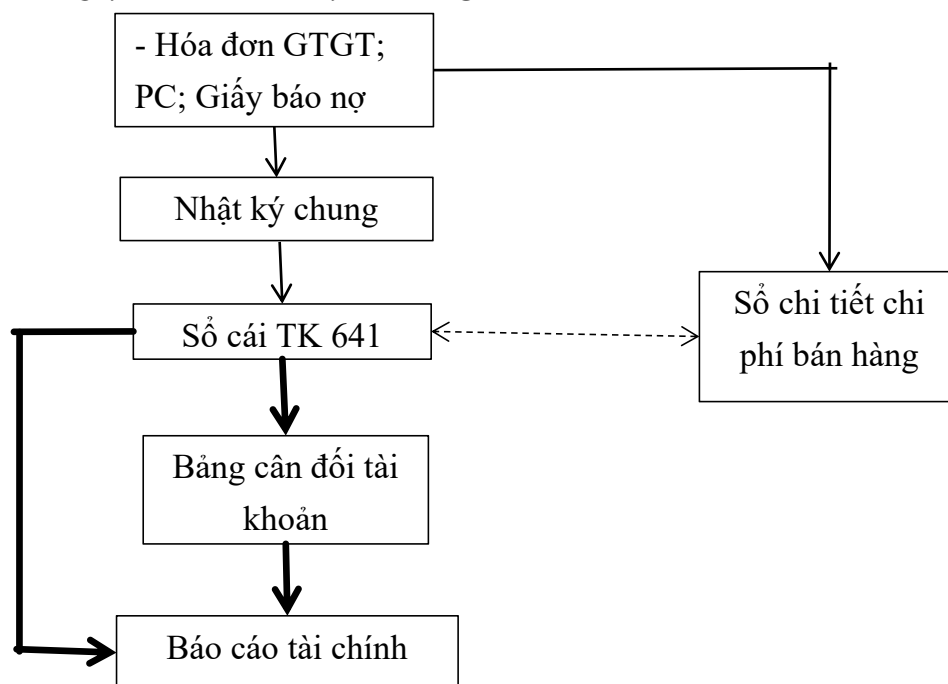
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng.

Bảng phân bổ tiền lương và BHXH; chứng từ chi phí vận chuyển: vé xe, hoá đơn phí vận chuyển, phiếu chi; hoá đơn vận chuyển hàng kèm theo bảng kê chi tiết; hoá đơn GTGT kèm theo phiếu xuất kho; hóa đơn về dịch vụ mua ngoài: tiền điện, nước...

2.2.5.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung; sổ cái TK 641.

2.2.5.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.



Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng.

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\langle \text{-----} \rangle$

2.2.5.5. Nghiệp vụ minh họa.

Nghiệp vụ minh họa 3: Ngày 04/10/2025 Công ty thanh toán tiền mua dịch vụ quảng cáo Google Ads của Công ty TNHH GOOGLE VIỆT NAM số tiền 200.000 đồng (đã bao gồm VAT 8%) kèm hóa đơn GTGT số 2760057. Công ty lập phiếu chi tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.
MST : 0402170386

Mẫu số : 02 - TT

(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC
Ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 4 Tháng 10 Năm 2025

Số : 2760057

Nợ : 641,1331

Có : 1111

Họ tên người nhận tiền CÔNG TY TNHH GOOGLE VIỆT NAM

Địa chỉ : Phòng 512ResCo-work09, Tầng 5, Tòa nhà M-Building, Lô C7B-02A, Khu A, số 09 đường số 8, Khu đô thị mới Nam Thành Phố, Phường Tân Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Lý do chi : Dịch vụ quảng cáo Google Ads

Số tiền : 200.000 Hai trăm ngàn đồng

Kèm theo : Hóa đơn số 2760057

Ngày 4 Tháng 10 Năm 2025

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KTT

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Hình 2.8: Phiếu chi mua dịch vụ quảng cáo Google Ads.

Dựa vào hóa đơn GTGT kê toán nhập liệu vào phần mềm SMARTPRO để hạch toán: Vào “**Nhập phát sinh** → **nhập loại chứng từ là PC**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**” , thì phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới. Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641.

1.Edit 2.View 3.In 4. Load Save ? HELP													
Thông tin chính Thông tin khác													
Loại C.từ	PC	Seri HD	1C25TGG	TK Nợ	641	ĐTPN Nợ							
Số C.từ	2760057	Số HD	2760057	TK Có	1111	ĐTPN Có	0317860332	CÔNG TY TNHH GOOGLE VIỆT NAM					
Ngày C.từ	04/10/25	Ngày HD	04/10/25	Mã YTCP Nợ		Hợp đồng							
Diễn giải	Dịch vụ quảng cáo Google Ads					Công trình							
Khách hàng	0317860332 - CÔNG TY TNHH GOOGLE VIỆT NAM					N giao dịch							
TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tên khách hàng	
1	1C25TGG	2760057	04/10/25	Dịch vụ quảng cáo Google Ads	641		1111	031786...	185,185	8	14,815	CÔNG TY TNHH GOOC	
									185,185		14,815		
				Thành tiền usd	0.00	Chiết khấu 1		0	Thành tiền Vnd		185,185		
Usd CK				0.00	Thuế usd		0.00	Chiết khấu 2		0	Thuế Vnd		14,815
Máy tính				0.000	Tổng TT usd		0.00	T.tiền sau ck		185,185	Tổng TT Vnd		200,000

Hình 2.9: Giao diện phần mềm nhập phiếu chi tiền mua dịch vụ.

Trích sổ cái TK 641

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :641 - Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
15/01/25	PKT.012/01	15/01/25	mua Phần mềm AMIS Bán hàng gói Professional	331	12.000.000	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	911		12.000.000
30/04/25	PC.540836	30/04/25	Google Ads	1111	133.990	
30/04/25	KC.05	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	911		133.990
31/05/25	PC.1013849	31/05/25	Dịch vụ quảng cáo Google Ads	1111	1.568	
31/05/25	KC.06	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	911		1.568
03/08/25	PC.1918974	03/08/25	Dịch vụ quảng cáo Google Ads	1111	147.140	
05/08/25	PC.1956874	05/08/25	Dịch vụ quảng cáo Google Ads	1111	10.886	
31/08/25	KC.07	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	911		158.026
04/10/25	PC.2760057	04/10/25	Dịch vụ quảng cáo Google Ads	1111	185.185	
31/10/25	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	911		185.185
			CỘNG PHÁT SINH		12.478.769	12.478.769
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		12.478.769	12.478.769

Người lập

NLS

Kế toán trưởng

KTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Xem bút toán ghi nhận chi phí bán hàng trên sổ nhật ký chung tại trang 74.

2.2.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.6.1. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp. TK 642 có các tài khoản chi tiết sau:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí phân bổ CCDC
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

2.2.6.2. Chứng từ sử dụng.

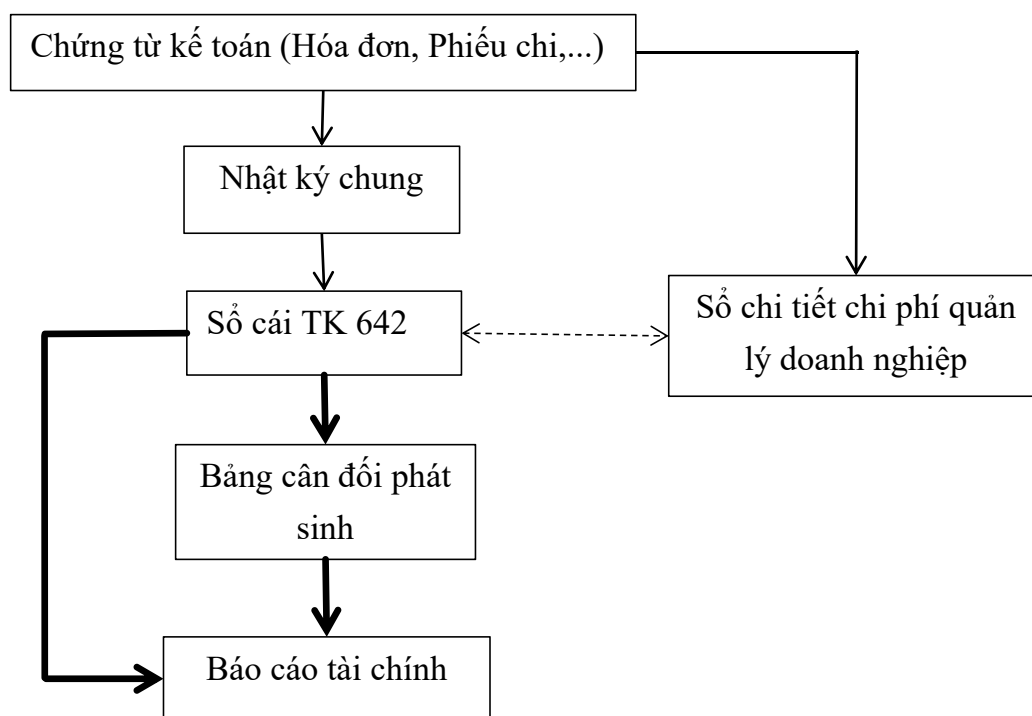
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn mua dịch vụ khác.

2.2.6.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642,

- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết TK 6421, sổ chi tiết TK 6422, sổ chi tiết TK 6423, sổ chi tiết TK 6424, sổ chi tiết TK 6427.

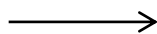
2.2.6.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.



Sơ đồ 2.8. Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ghi chú:

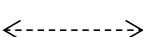
Ghi hằng ngày:



Ghi cuối kỳ:



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



2.2.6.5. Nghiệp vụ minh họa.

Nghệp vụ minh họa 4: Ngày 30/12/2024 công ty mua dịch vụ Đăng ký Google Workspace của công ty TNHH phần mềm Nhân Hòa có số hóa đơn 18129 với số tiền chưa thuế là 8,740,000 đồng và sản phẩm phần mềm này thuộc đối tượng không chịu thuế. Được phân bổ trong 36 tháng. Bảng trích chi phí chờ phân bổ xem trang 53 và sổ nhật ký chung tại trang 74.

Trích sổ chi tiết tài khoản 6421

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.
Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Mã hiệu : 6421-Chi phí nhân viên quản lý Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
31/01/25	CPCPB.020/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 1	242	242.778	
31/01/25	CPCPB.040/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm quản trị hệ thống Omni Pro Tháng 1	242	548.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		1.257.444
28/02/25	CPCPB.027/2	28/02/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 2	242	242.778	
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	KC.04	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		1.257.444
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	CPCPB.032/6	30/06/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 6	242	242.778	
30/06/25	CPCPB.060/6	30/06/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm quản trị hệ thống Omni Pro Tháng 6	242	548.000	
30/06/25	CPCPB.061/6	30/06/25	Hạch toán CP CPB : Phí duy trì dịch vụ Tháng 6	242	80.000	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	CPCPB.033/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 11	242	242.778	
30/11/25	CPCPB.061/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm quản trị hệ thống Omni Pro Tháng 11	242	548.000	
30/11/25	CPCPB.063/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Phí duy trì dịch vụ Tháng 11	242	80.000	
30/11/25	CPCPB.074/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Phí thiết kế app Tháng 11	242	133.333	
30/11/25	CPCPB.081/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 11	242	253.333	
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		1.257.444
31/12/25	CPCPB.033/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 12	242	242.778	
31/12/25	CPCPB.060/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm quản trị hệ thống Omni Pro Tháng 12	242	548.000	
31/12/25	CPCPB.062/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Phí duy trì dịch vụ Tháng 12	242	80.000	
31/12/25	CPCPB.073/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Phí thiết kế app Tháng 12	242	133.333	
31/12/25	CPCPB.080/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google WorkSpace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 12	242	253.333	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		910.162.754
			Cộng phát sinh		923.994.638	923.994.638
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Nghiệp vụ minh họa 5: Ngày 15/11/2024 công ty mua thiết bị của CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG có số hóa đơn 9947080 với số tiền chưa thuế là 24.172.727 đồng (VAT 10%). Được khấu trừ trong 36 tháng. Xem Sổ nhật ký chung ở 73.

Trích sổ chi tiết TK 6422.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.
Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Mã hiệu : 6422-Chi phí vật liệu quản lý Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...	...	...	Số dư đầu kỳ	...	...	...
31/01/25	CPCPB.023/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lò vi sóng Toshiba MM-EM25PE(BM) (IMEI) Tháng 1	242	55.303	
31/01/25	CPCPB.024/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 1	242	671.465	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		4.639.729
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	CPCPB.036/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Lò vi sóng Toshiba MM-EM25PE(BM) (IMEI) Tháng 5	242	55.303	
31/05/25	CPCPB.037/5	31/05/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 5	242	671.465	
...	...	...	...	...	...	...
30/09/25	CPCPB.036/9	30/09/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 9	242	671.465	
30/09/25	CPCPB.039/9	30/09/25	Hạch toán CP CPB : Màn hình Viewsonic VA2432-H 24" IPS 100Hz viền mỏng Tháng 9	242	51.896	
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	CPCPB.035/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Lò vi sóng Toshiba MM-EM25PE(BM) (IMEI) Tháng 10	242	55.303	
31/10/25	CPCPB.036/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 10	242	671.465	
31/10/25	CPCPB.039/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Màn hình Viewsonic VA2432-H 24" IPS 100Hz viền mỏng Tháng 10	242	51.896	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	CPCPB.037/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 11	242	671.465	
31/10/25	CPCPB.039/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Màn hình Viewsonic VA2432-H 24" IPS 100Hz viền mỏng Tháng 10	242	51.896	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	CPCPB.037/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 11	242	671.465	
30/11/25	CPCPB.040/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Màn hình Viewsonic VA2432-H 24" IPS 100Hz viền mỏng Tháng 11	242	51.896	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	CPCPB.035/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Loa 360 độ:SRS-RA3000BMSP1 Tháng 12	242	132.399	
31/12/25	CPCPB.036/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Lò vi sóng Toshiba MM-EM25PE(BM) (IMEI) Tháng 12	242	55.303	
31/12/25	CPCPB.037/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 12	242	671.465	
31/12/25	CPCPB.040/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Màn hình Viewsonic VA2432-H 24" IPS 100Hz viền mỏng Tháng 12	242	51.896	
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		3.380.323
Cộng phát sinh					52.418.728	52.418.728
Số dư cuối kỳ						

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Bảng trích chi phí chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.
Mã số thuế : 0402170386

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ Năm 2025

Mã TS	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	TK TS	TK CP	TK HM	Nguyên giá		Ngày mua	Thời gian tính khấu hao	Khấu hao cả năm	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại	
						Đầu năm	Cuối năm					Đầu năm	Cuối năm
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
CHANMAY	Chân máy quay hiệu Benro Photo & Video Tripod Kit - T691		242	6422	242	638.889	638.889	07/12/24	36	212.964	230.711	621.142	408.178
CHAOSAUS	Chảo sâu từ Tefal 28cm G1358695/8696		242	6427	242	0	399.091	12/01/25	24	199.548	199.548	0	199.543
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
GIATREO2	Giá Treo Phòng 2m6 x 3m		242	154	242	1.172.727	1.172.727	07/12/24	36	390.912	423.488	1.140.151	749.239
GOOGLELW	Đăng ký Google Workspace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net		242	6421	242	8.740.000	8.740.000	30/12/24	36	2.913.336	3.156.114	8.497.222	5.583.886
LOA	Loa SoundMax SB201 Grey		242	6422	242	409.480	409.480	15/11/24	36	136.488	159.236	386.732	250.244
LOASRS	Loa 360 độ:SRS-RA3000BMSP1		242	6422	242	4.766.364	4.766.364	20/12/24	36	1.588.788	1.721.187	4.633.965	3.045.177
LOVISONG	Lò vi sóng Toshiba MM-EM25PE(BM) (IMEI)		242	6422	242	1.990.909	1.990.909	25/07/24	36	663.636	995.454	1.659.091	995.455
MACBOOK	Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S		242	6422	242	24.172.727	24.172.727	15/11/24	36	8.057.580	9.400.510	22.829.797	14.772.217
MACHCHIN	Mạch chính Asus Prime B760M-K D4		242	6427	242	0	2.090.909	13/02/25	36	638.891	638.891	0	1.452.018
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
MAYCHUP	Máy chụp hình KTS ILCE-6400/B AP2		242	6422	242	17.263.636	17.263.636	28/11/24	36	5.754.540	6.713.630	16.304.546	10.550.006
MAYDHKK	Máy DHKK Daikin MKC50RVMV/CTKC25RVMV-CTKC25RVMV		242	6427	242	0	17.454.545	29/11/25	36	969.696	969.696	0	16.484.849
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng						209.197.112	312.522.734			96.538.691	135.861.260	169.874.543	176.661.474

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Nghiệp vụ minh họa 6: Ngày 14/11/2025 Công ty mua các vật dụng VPP tại CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAO ĐỎ VIỆT NAM, đã thanh toán số tiền là 11.664.000 đồng (đã bao gồm VAT) kèm theo hóa đơn 612.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 11 năm (year) 2025
Mã QCT (Code): 00AASE21B8A8714A49AB9993ADB4783167

Ký hiệu (Sign): 1C25TSD
Số (No): 00000612

Đơn vị bán hàng (Supplier): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAO ĐỎ VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code): 0700796644
Địa chỉ (Address): Tổ dân phố 1 Lạc Nhuê, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Điện thoại (Tel):
Số tài khoản (Bank account): 192028485 - VP bank - CN Hà Nam

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
Địa chỉ (Address): 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Số tài khoản (Bank account):
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Mã số thuế (Tax code): 0402170386

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Băng keo in 4,8cm x 100m	Cuộn	500	18600	9.300.000
2	Trục in băng dính	Trục	1	1.500.000	1.500.000
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					10.800.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 % Tiền thuế GTGT (VAT amount):					864.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					11.664.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAO ĐỎ VIỆT NAM
Ký ngày: 14/11/2025
(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): DEHVHRWG9XVB
Tra cứu tại Website (Search on website): <http://www.meninvoice.vn/tra-cuu/>

Hình 2.10: Hóa đơn mua VPP.

Dựa vào hóa đơn GTGT số 612 kế toán lập phiếu kế toán vào phần mềm SMARTPRO để hạch toán: Vào “**Nhập phát sinh → nhập loại chứng từ là “PKT”**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**” thì phần mềm sẽ ghi nhận và khi tải chứng từ sẽ hiển thị như bên dưới. Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6423.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX						
Địa chỉ : 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng						
Mã số thuế : 0402170386						
						Số : 612
PHIẾU KẾ TOÁN						
Ngày 14 tháng 11 năm 2025						
Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	6423		331	0700796644	Mua VPP	10.800.000
2	1331		331	0700796644	Thuế GTGT đầu vào HD : 612, 14/11/2025	864.000
Tổng cộng						11.664.000
Ngày 14 tháng 11 năm 2025						
Người lập NLS				Kế toán trưởng KTT		

Hình 2.11: Phiếu kế toán mua VPP

Trích sổ chi tiết TK 6423.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6423-Chi phí đồ dùng văn phòng

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
18/06/25	PKT.23	18/06/25	Mua VPP	331	155.000	
18/06/25	PKT.23	18/06/25	Mua VPP	331	795.300	
30/06/25	KC.08	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		950.300
13/08/25	PKT.96	13/08/25	Mua VPP	331	1.775.000	
31/08/25	KC.10	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		1.775.000
30/10/25	PKT.173	30/10/25	Mua VPP	331	1.398.700	
31/10/25	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		1.398.700
14/11/25	PKT.612	14/11/25	Mua VPP	331	10.800.000	
30/11/25	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		10.800.000
			Cộng phát sinh		14.924.000	14.924.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG

Bút toán được ghi nhận trong sổ nhật ký chung ở trang 75.

Nghiệp vụ minh họa 7: Ngày 30/10/2024, công ty mua một chiếc xe ô tô với nguyên giá 717.272.727 đồng. Tài sản này được khấu trừ trong 72 tháng. Dưới đây là Bảng khấu hao TSCĐ năm 2025 và xem bút toán phân bổ trong sổ nhật ký chung ở trang 74.

Bảng khấu hao tài sản cố định năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX													
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.													
Mã số thuế : 0402170386													
		BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH											
		Năm 2025											
Mã TS	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	TK TS	TK CP	TK HM	Nguyên giá		Ngày mua	Thời gian KH	Khấu hao cả năm	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại	
						Đầu năm	Cuối năm					Đầu năm	Cuối năm
	XE Ô TÔ CON 5 CHỖ HIỆU: MAZDA												
	XEÔT(SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01		2111	6424	2141	717.272.727	717.272.727	30/10/24	72	119.545.452	139.469.694	697.348.485	577.803.033
	Tổng cộng					717.272.727	717.272.727			119.545.452	139.469.694	697.348.485	577.803.033
		Ngày 31 tháng 12 năm 2025											
		Người lập											
		NLS											
		Kế toán trưởng											
		KTT											
		Giám đốc											
		NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH											

Trích sổ chi tiết TK 6424.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng.

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6424-Chi phí khấu hao TSCĐ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	KHTS.001/1	31/01/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 1	2141	9.962.121	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
28/02/25	KHTS.001/2	28/02/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 2	2141	9.962.121	
28/02/25	KC.06	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
31/03/25	KHTS.001/3	31/03/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 3	2141	9.962.121	
31/03/25	KC.06	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
30/04/25	KHTS.001/4	30/04/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 4	2141	9.962.121	
30/04/25	KC.08	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
31/05/25	KHTS.001/5	31/05/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 5	2141	9.962.121	
31/05/25	KC.09	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
30/06/25	KHTS.001/6	30/06/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 6	2141	9.962.121	
30/06/25	KC.09	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
31/07/25	KHTS.001/7	31/07/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 7	2141	9.962.121	
31/07/25	KC.08	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
31/08/25	KHTS.001/8	31/08/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 8	2141	9.962.121	
31/08/25	KC.11	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
30/09/25	KHTS.001/9	30/09/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 9	2141	9.962.121	
30/09/25	KC.07	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
31/10/25	KHTS.001/10	31/10/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 10	2141	9.962.121	
31/10/25	KC.10	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
30/11/25	KHTS.001/11	30/11/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 11	2141	9.962.121	
30/11/25	KC.09	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
31/12/25	KHTS.001/12	31/12/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIỆU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 12	2141	9.962.121	
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		9.962.121
			Cộng phát sinh		119.545.452	119.545.452
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Nghiệp vụ minh họa 8: Ngày 14/12/2025 Công ty tiếp khách tại nhà hàng MW GO Trường Chinh HCM và thanh toán số tiền là 2.345.760 đồng (đã bao gồm VAT 8%) kèm theo hóa đơn 3973309. Công ty lập PC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE - CHI NHÁNH MIỀN NAM**

Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế (Tax code): 0102721191-001

Điện thoại (Tel): 19006622

Website: <https://ggg.com.vn/>

Fax:

Ký hiệu (Serial): 1C25MCV

Số (No.): 3973309

Số bill (Bill No.): 11

Mã tham chiếu (Reference code): 30MW4361.14122025.168649.11

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ngày (Date): 14 tháng (month) 12 năm (year) 2025

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TỰ MÁY TÍNH TIỀN)
(EINVOICE DISPLAY VERSION)

Mã cơ quan Thuế: M1-25-LPQZG-00003974363

Địa điểm bán hàng (Restaurant): MW GO Trường Chinh HCM

Địa chỉ (Add): Shop 8+9+10+11, TTTM Big C Trường Chinh, số 1/1 Trường
Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

Địa chỉ (Address): 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0402170386

Căn cước công dân (Citizen identity number):

Mã đơn vị QHNS (Budgetary unit code):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Thông tin đơn hàng (Order Information):

Địa chỉ (Add):

Người nhận hàng (Receiver):

Số điện thoại (Tel):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tổng tiền hàng (Total)	Chiết khấu (Discount)	Giá trước thuế GTGT (Amount (VAT amount))	Thuế suất (Tax rate %)	Tiền thuế GTGT (Vat amount)	Thành tiền sau thuế (Amount with tax)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 - 7	9	10 = 8 x 9	11 = 8 + 10
1	Buffet Đài Du Hoa NL	Suất	4	469.000	1.876.000		1.876.000	8%	150.080	2.026.080
2	Buffet Line Khai vị & Tráng Miếng (NL)	Suất	4	69.000	276.000		276.000	8%	22.080	298.080
3	Khăn giấy màng bạc Manwah	Cái	4	5.000	20.000		20.000	8%	1.600	21.600
TỔNG CỘNG (GRAND TOTAL)					2.172.000		2.172.000		173.760	2.345.760
Giá trị theo mức thuế GTGT		Thuế suất	Tổng tiền hàng (Total)	Chiết khấu (Discount)	Trị giá chưa thuế GTGT (Amount before VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Tổng tiền gồm thuế GTGT (Amount including VAT)			
Tổng tiền không kê khai thuế (Amount without VAT)										
Tổng tiền không chịu thuế (Amount non-taxable)		x								
Tổng tiền chịu thuế suất 0% (Amount at 0% VAT)		0%								
Tổng tiền chịu thuế suất 5% (Amount at 5% VAT)		5%								
Tổng tiền chịu thuế suất 10% (Amount at 10% VAT)		10%								
Tổng tiền chịu thuế suất khác (Amount at x% VAT)		8%	2.172.000		2.172.000	173.760	2.345.760			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount)			2.172.000		2.172.000	173.760	2.345.760			

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

Đơn vị bán hàng (Seller)

**Hình 2.12: Hóa đơn 3973309.**

Dựa vào hóa đơn GTGT số 3973309 kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm SMARTPRO, để hạch toán: Vào “**Nhập phát sinh → nhập loại chứng từ là PC**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**”, thì phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6427. Dưới đây là PC và sổ chi tiết TK 6427.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng MST : 0402170386	Mẫu số : 02 - TT (Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC Ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)
PHIẾU CHI Ngày 14 Tháng 12 Năm 2025	Số : 3973309 Nợ : 6427,1331 Có : 1111
Họ tên người nhận tiền : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE - CHI NHÁNH MIỀN NAM Địa chỉ : Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, TP Hồ Chí Minh Lý do chi : Dịch vụ ăn uống, tiếp khách	
Số tiền : 2.345.760 Hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng	
Kèm theo : Hóa đơn số 3973309	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH	Kế toán trưởng (Ký, họ tên) KTT
Thủ quỹ (Ký, họ tên) NLS	Người lập (Ký, họ tên) NLS
Người nhận tiền (Ký, họ tên)	
Ngày 14 Tháng 12 Năm 2025	
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :	

Hình 2.13: PC chi phí tiếp khách số 3973309

Trích sổ chi tiết TK 6427

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng Mã số thuế : 0402170386			Mẫu số S38-DN Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 6427-Chi phí dịch vụ mua ngoài						
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
01/01/25	PC.001/01	01/01/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024	1111	200.000	0
06/01/25	PC.003/01	06/01/25	chi phí ăn uống tiếp khách	1111	1.742.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	7.353.400
...	...	...	...	...	...	...
30/05/25	PC.21792	30/05/25	Phí dịch vụ đặt, giữ chỗ	1111	18.081	0
31/05/25	CTNH.171618	31/05/25	Phí ngân hàng	1121	200.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.10	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	24.956.690
02/06/25	PC.2756	02/06/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách	1111	7.835.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.10	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	74.261.146
...	...	...	...	...	...	...
30/09/25	CPCPB.079/9	30/09/25	Hạch toán CP CPB : EN42010_ Vở máy tính Xigmatek XS-29 Tháng 9	242	7.083	0
30/09/25	KC.08	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	11.235.099
...	...	...	...	...	...	...
07/10/25	PC.2601680	07/10/25	Cước dịch vụ viễn thông trả sau (Dịch vụ chịu thuế)	1111	144.545	0
07/10/25	PC.2602338	07/10/25	Cước dịch vụ viễn thông trả sau (Dịch vụ chịu thuế)	1111	10.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.11	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	17.796.562
02/11/25	PC.6516689	02/11/25	Dịch vụ viễn thông	1111	545.455	0
02/11/25	PC.79635	02/11/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 10 năm 2025	1111	200.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.10	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	16.891.314
...	...	...	...	...	...	...
08/12/25	CTNH.1112419	08/12/25	Phí ngân hàng	1121	10.000	0
14/12/25	PC.3973309	14/12/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách	1111	2.172.000	0
15/12/25	PC.567656	15/12/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách	1111	233.333	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.11	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911	0	21.289.781
			Cộng phát sinh		290.637.341	290.637.341
			Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
NLS		KTT		NGUYỄN NGOC HOÀNG ANH		

Để kết xuất và in sổ cái TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ kế toán” → “Sổ Cái tài khoản” → Chọn TK 642 → “In”. Khi đó Sổ Cái TK 642 sẽ hiện ra. Xem bút toán ghi nhận trên sổ nhật ký chung ở trang 73, 74 và 75.

Trích sổ cái TK 642.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỐ CÁI

Mã hiệu :642-Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số			Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
Số		Ngày	Nợ	Có				
SỐ DƯ ĐẦU KỲ						0	0	0
01/01/25	PC.001/01	01/01/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024			1111	200.000	0
...	...	...	...			...	...	...
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	1.257.444
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	4.639.729
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	7.353.400
13/03/25	PC.007/03	13/03/25	Chi phí dịch vụ viễn thông			1111	272.727	0
17/03/25	PC.009/03	17/03/25	Dịch vụ sửa chữa xe MDCX5AT-AN-20 Biển số: 43A84035, RO: M25030349			1111	1.231.600	0
...	...	...	...			...	...	...
31/03/25	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	1.257.444
31/03/25	KC.05	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	4.639.729
31/03/25	KC.06	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
31/03/25	KC.07	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	15.465.933
...	...	...	...			...	...	...
10/06/25	PC.25261	10/06/25	Vé máy bay công tác			1111	2.123.274	0
13/06/25	PC.390	13/06/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách			1111	8.734.000	0
...	...	...	...			...	...	...
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	1.257.444
30/06/25	KC.07	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	4.403.303
30/06/25	KC.08	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423			911	0	950.300
30/06/25	KC.09	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
30/06/25	KC.10	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	74.261.146
...	...	...	...			...	...	...
08/09/25	CTNH.527627	08/09/25	Phi ngân hàng			1121	100.000	0
13/09/25	PC.24992	13/09/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách			1111	1.609.000	0
...	...	...	...			...	...	...
30/09/25	KC.05	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	1.257.444
30/09/25	KC.06	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	4.403.303
30/09/25	KC.07	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
30/09/25	KC.08	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	11.235.099
01/10/25	PC.1224158	01/10/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 09 năm 2025			1111	200.000	0
02/10/25	PC.14527	02/10/25	LÔNG ĐẾN ỐC XÁ NHỐT			1111	12.371	0
...	...	...	...			...	...	...
31/10/25	KC.07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	1.257.444
31/10/25	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	4.403.285
31/10/25	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423			911	0	1.398.700
31/10/25	KC.10	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
31/10/25	KC.11	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	17.796.562
...	...	...	...			...	...	...
14/11/25	PKT.612	14/11/25	Mua VPP			331	10.800.000	0
15/11/25	CTNH.938827	15/11/25	Phi ngân hàng			1121	200.000	0
...	...	...	...			...	...	...
30/11/25	CPCPB.033/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google Workspace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 11			242	242.778	0
30/11/25	CPCPB.034/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Loa SoundMax SB201 Grey Tháng 11			242	11.374	0
30/11/25	CPCPB.035/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Loa 360 độ:SRS-RA3000BMSP1 Tháng 11			242	132.399	0
30/11/25	CPCPB.036/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Lò vi sóng Toshiba MM-EM25PE(BM) (IMEI) Tháng 11			242	55.303	0
30/11/25	CPCPB.037/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 11			242	671.465	0
...	...	...	...			...	...	...
30/11/25	KHTS.001/11	30/11/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ (HIỆU: MAZDA (SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01) Tháng 11			2141	9.962.121	0
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	1.257.444
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	3.823.263
30/11/25	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423			911	0	10.800.000
30/11/25	KC.09	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
30/11/25	KC.10	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	16.891.314
...	...	...	...			...	...	...
08/12/25	CTNH.111241	08/12/25	Phi ngân hàng			1121	110.000	0
14/12/25	PC.3973309	14/12/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách			1111	2.172.000	0
...	...	...	...			...	...	...
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421			911	0	910.162.754
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422			911	0	3.380.323
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424			911	0	9.962.121
31/12/25	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425			911	0	8.306.464
31/12/25	KC.11	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427			911	0	21.289.781
CỘNG PHÁT SINH							1.409.826.623	1.409.826.623
SỐ DƯ CUỐI KỲ							0	0
LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM							1.409.826.623	1.409.826.623
							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người lập			Kế toán trưởng			Giám đốc		
NLS			KTT			NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH		

2.2.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.7.1. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản 515 - “Doanh thu tài chính” để phản ánh các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng.

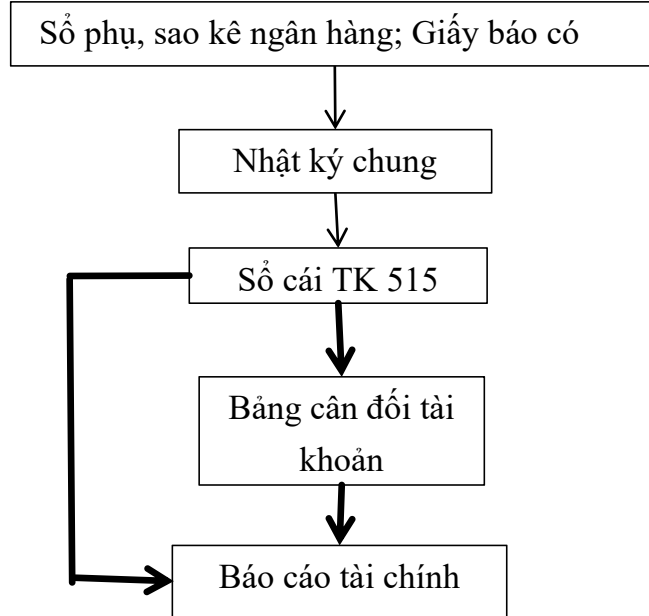
2.2.7.2. Chứng từ sử dụng.

Giấy báo có; Sao kê ngân hàng (sổ phụ ngân hàng).

2.2.7.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung; sổ cái TK 515;
- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết TK 515

2.2.7.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.



Sơ đồ 2.9. Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính.

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →

2.2.7.5. Nghiệp vụ minh họa.

Nghiệp vụ minh họa 9: Ngày 31/10/2025 công ty nhận được thông báo tiền lãi của ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam về số tiền lãi là 13.483 đồng.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JSC B

TECHCOMBANK

MST/Tax code: 0100230800

TRUY VẤN GIAO DỊCH TÀI KHOẢN / TRANSACTION ENQUIRY

Từ ngày/From 2025-10-01 Đến ngày/To 2025-10-31

Thông tin khách hàng /Customer Info

Số tài khoản/Account 1990397979

Tên tài khoản/Account VND-TGTT-CÔNG TY CỔ PHẦN TIXI

Loại tiền/Currency VND

Loại tài khoản/Account Current Account

Thông tin số dư /Balance Summary

Số dư hiện tại/Actual balance133.207.699

Số dư đầu ngày/Opening balance320.612.943

Số dư cuối ngày/ Closing balance121.657.529

Tổng ghi nợ/ Total debits2.004.897.058

Tổng ghi có/ Total credits1.806.051.644

Tổng phí/ Total fees100.000

Tổng VAT/ Total VAT10.000

Tổng lệnh ghi nợ/ Total debit transaction76

Tổng lệnh ghi có/ Total credit transaction317

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ghi có vào tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

We would like to inform you of your updated debits and credits the following details:

Ngày KH thực hiện/ Requesting date	Ngày giao dịch/ Transaction date	Số bút toán/ Reference number	Ngân hàng đối tác/ Remitter's bank	Tài khoản dịch/ Remitter's account number	Tên tài khoản đối ứng/ Remitter's account name	Diễn giải/ Description	Nợ/Debit	Có/Credit
2025-11-01 01:13:22	2025-10-31	990397979-20251031				Trả lãi số dư trên tài khoản - tháng 10/2025		13.483
2025-10-31 20:50:19	2025-10-31	FT25304477405312	HANOI VNM	6360692863		mr Thuy		8.955.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
2025-10-30 11:15:03	2025-10-30	FT25303743909147	HANOI VNM	0901605751		IDb883fe32TXM		1.227.000
2025-10-29 10:27:52	2025-10-29	FT25302054860442	TECHCOMBANK	7979797776	NGUYEN DUY HUNG	ID9317e904TXM		145.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
2025-10-27 08:24:46	2025-10-27	FT25300902636005	Hanoi VNM	1016309318		Y CO PH AN TIXIMAX tại TECHCOMBANK		2.906.000
2025-10-26 08:54:52	2025-10-27	FT25300260683332	Hanoi VNM	1028330054		DN G TY CO PHAN TIXIMAX tại TECHCOM		305.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
2025-10-22 20:36:31	2025-10-22	FT25295560847130	Hanoi VNM	0231000689184		Y CO PHAN TIXIMAX tại TECHCOMBANK		2.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
2025-10-17 07:43:06	2025-10-17	FT25290021504934	bank VNM	108875848662		QR - NGUYEN VIET TY Chuyen tien		1.650.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
2025-10-09 11:58:39	2025-10-09	FT25282056914123	TIEN PHONG (TPBANK)	05653251601	LE PHUOC THIEN	Tiximax thanh toan huong thang 9	-2.383.333	
...	...	...	...	...	...	...	...	...

Phiếu này được in từ hệ thống ngân hàng điện tử của Techcombank/ This paper is printed by Techcombank electronic banking

Phiếu này được in từ hệ thống ngân hàng điện tử của Techcombank/ This paper is printed by Techcombank electronic banking
Ngày ghi in/ Printed on 01/05/2026 22:22:31

Hình 2.14: Sổ phụ nhân hàng Techcombank.

Căn cứ sổ phụ ngân hàng ngày 31/10/2025 về tiền lãi mà công ty thu được, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm. Sau khi nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515, sổ chi tiết TK 515. Sổ nhật ký chung xem ở trang 73.

Trích sổ chi tiết TK 515.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
29/04/25	CTNH.009/04	29/04/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 04/2025	1121		1.787
30/04/25	KC.03	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1.787	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	CTNH.31	30/06/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 06/2025	1121		20.698
30/06/25	KC.04	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	20.698	
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	CTNH.1990397	31/10/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 10/2025	1121		13.483
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	13.483	
31/12/25	CTNH.1990397	31/12/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12/2025	1121		8.857
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	8.857	
			Cộng phát sinh		81.099	81.099
			Số dư cuối kỳ			

Người lập

NLS

Kế toán trưởng

KTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

NGUYỄN NGOC HOÀNG ANH

Trích sổ cái TK 515.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX				Mẫu số S03b-DN		
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng				(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC		
Mã số thuế : 0402170386				ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Mã hiệu :515-Doanh thu hoạt động tài chính						
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25						
Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
25/01/25	CTNH.008/01	25/01/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 01/2025	1121	0	392
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	392	0
28/02/25	CTNH.003/02	28/02/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 02/2025	1121	0	499
28/02/25	KC.02	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	499	0
31/03/25	CTNH.009/03	31/03/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 03/2025	1121	0	1.960
31/03/25	KC.02	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1.960	0
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	CTNH.31	30/06/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 06/2025	1121	0	20.698
30/06/25	KC.04	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	20.698	0
31/07/25	1990397979-20	31/07/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 07/2025	1121	0	14.650
31/07/25	KC.04	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	14.650	0
30/08/25	1990397979-20	30/08/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 08/2025	1121	0	8.090
31/08/25	KC.05	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	8.090	0
31/10/25	1990397979-20	31/10/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 10/2025	1121	0	13.483
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	13.483	0
31/12/25	1990397979-20	31/12/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12/2025	1121	0	8.857
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	8.857	0
			CỘNG PHÁT SINH		81.099	81.099
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LƯY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		81.099	81.099
Người lập				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
NLS				Giám đốc		
				NGUYỄN NGOC HOANG ANH		
Kế toán trưởng						
KTT						

2.2.8. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

2.2.8.1. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh chi phí hoạt động tài chính công ty đã sử dụng tài khoản 635 - “Chi phí hoạt động tài chính”

2.2.8.2. Chứng từ sử dụng.

Giấy báo nợ; các chứng từ liên quan,...

2.2.8.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635.
- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết TK 635

2.2.8.5. Nghiệp vụ minh họa.

Trong năm 2025 công ty cổ phần Tixiamax không phát sinh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

2.2.9. Kế toán thu nhập khác.

2.2.9.1. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác” dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

2.2.9.2. Chứng từ sử dụng.

Hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý bàn giao, giấy báo có và các chứng từ có liên quan,...

2.2.9.3. Sổ sách sử dụng.

- Sổ tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 711.
- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết tài khoản 711

2.2.9.4. Nghiệp vụ minh họa.

Trong năm 2025, công ty Cổ phần Tiximax không phát sinh nghiệp vụ nào có liên quan đến các khoản thu nhập khác.

2.2.10. Kế toán chi phí khác.

2.2.10.1. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng TK 811 – “Chi phí khác”. Trong kỳ công ty không có phát sinh nhiều nghiệp vụ liên quan tới tài khoản chi phí khác chỉ có tiền phạt từ nộp chậm các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý.

2.2.10.2. Chứng từ sử dụng.

Giấy nộp tiền, sao kê ngân hàng, phiếu chi...

2.2.10.3. Sổ sách sử dụng.

Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 811

2.2.10.4. Nghiệp vụ minh họa.

Nghiệp vụ minh họa 10: Ngày 25/07/2025 công ty Cổ phần Tiximax phát sinh nghiệp vụ tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 200.683 đồng.

Không ghi vào khu vực này	GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒ Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.... (Đánh dấu X vào ô tương ứng)	Mẫu số C1- 02/NS (ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính) Mã hiệu: Số: 0929846 Số tham chiếu: 11220250332770934
---------------------------------	---	--

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX Mã số thuế: 0402170386
 Địa chỉ: 338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ
 Quận/Huyện: Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
 Người nộp thay: Mã số thuế:
 Địa chỉ: Tỉnh, TP:
 Quận/Huyện: trích TK số: 1990397979
 Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Kỹ
 thương Việt Nam
 Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
 Vào tài Khoản của KBNN: Phòng Giao dịch số 1 - Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
 Kho bạc Nhà nước khu vực XIII
 Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: VTB-NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh
 Ngũ Hành Sơn
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
 Tại cơ quan quản lý thu: Phường Cẩm Lệ - Thuế cơ Mã CQ thu: 1142259
 số 4 thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN					Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi		
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1	3982/TB -TCS4- KĐT	17/07/2025	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) ;		200.683	755	4918
Tổng tiền					200.683		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
 Ngày ký: 25/07/2025 15:17:11.
 Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ
 Ngày ký: 25/07/2025 15:17:21.
 Ký điện tử bởi: VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL
 JOINT STOCK BANK
 Ngày ký: 25/07/2025 15:22:55.

Hình 2.15: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Sau khi nhận được chứng từ là giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm Smartpro. Khi đó phần mềm sẽ tự động ghi nhận vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 811. Xem sổ nhật ký chung tại trang 73.

Trích sổ cái TK 811

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :811-Chi phí khác

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
08/07/25	FT251898705	08/07/25	Phí nộp chậm TNCN	3339	74.298	0
08/07/25	FT251898706	08/07/25	Phí nộp chậm thuế	3339	70.200	0
08/07/25	FT251898706	08/07/25	Phí nộp chậm TNDN	3339	200.683	0
25/07/25	FT252068092	25/07/25	Phí nộp chậm TNCN	3339	111.005	0
25/07/25	FT252068093	25/07/25	Phí nộp chậm TNDN	3339	200.683	0
31/07/25	KC.10	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911	0	656.869
31/12/25	PKT.52	31/12/25	HẠCH TOÁN TẠM- XÓA	3388	26.576	0
31/12/25	KC.12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911	0	26.576
			CỘNG PHÁT SINH		683.445	683.445
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		683.445	683.445
					Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người lập			Kế toán trưởng	Giám đốc		
NLS			KTT	NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH		

2.2.11. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.11.1. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp công ty Cổ phần Tiximax sử dụng tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

2.2.11.2. Chứng từ sử dụng.

Tờ khai thuế TNDN, PC, ủy nhiệm chi.

2.2.11.3. Sổ sách sử dụng.

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 821, sổ chi tiết 8211.

2.2.11.4. Nghiệp vụ minh họa.

Trong năm 2025, công ty Cổ phần Tiximax kinh doanh có lời nên doanh nghiệp có phát sinh tài khoản 821, vì công ty có doanh thu lớn hơn 3 tỷ và bé hơn 50 tỷ nên thuế suất thuế TNDN phải nộp cho nhà nước là 17%.

Vào thời điểm cuối năm, sau khi đã lập báo cáo tài chính kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế TNDN. Từ báo cáo kết quả kinh doanh, kế toán vào phần mềm HTKK → Chọn mục thuế TNDN → Chọn tờ khai thuế TNDN (03/TNDN - TT80/2021) → Chọn thời gian, phụ lục 03-1A/TNDN → Nhập các số liệu từ báo cáo kết quả kinh doanh vào tờ khai và phụ lục.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm
theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9
năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài
chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 80,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

[07] Mã số thuế: 0402170386

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	300.587.784
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	683.445
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	683.445
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	301.271.229
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	301.271.229
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	301.271.229
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNNT) ($C4 = C1 - C2 - C3$)	C4	301.271.229
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6 = C4 - C5 = C7 + C8$)	C6	301.271.229
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	301.271.229
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9 = (C7 \times 17\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	51.216.109
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	51.216.109
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E = E1 + E2 + E5$)	E	51.216.109
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	51.216.109
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2 = E3 + E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0

2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	51.216.109
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	51.216.109
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	51.216.109
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành
nghề số:

Ngày 29 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 51.216.109 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX**
Ngày ký: 29/03/2026 17:06:13.

Hình 2.16: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (mẫu 03/TNDN)

Tương tự các sổ cái ở trên kế toán vào phần mềm để kết xuất sổ cái TK 821, sổ chi tiết 8211. Và xem sổ nhật ký chung ghi nhận bút toán này ở trang 75.

Trích sổ chi tiết TK 8211

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 8211-

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
31/12/25	PKT.45	31/12/25	HẠCH TOÁN THUẾ TNDN PHẢI NỘP	3334	51.216.109	0
31/12/25	KC.13	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	911	0	51.216.109
			Cộng phát sinh		51.216.109	51.216.109
			Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
NLS		KTT		NGUYỄN NGỌC HOÀNG		

Trích sổ cái TK 821.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
31/12/25	PKT.45	31/12/25	HẠCH TOÁN THUẾ TNDN PHẢI NỘP	3334	51.216.109	0
31/12/25	KC.13	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	911	0	51.216.109
			CỘNG PHÁT SINH		51.216.109	51.216.109
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		51.216.109	51.216.109
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
NLS		KTT		NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH		

2.2.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.12.1. Tài khoản sử dụng.

Để xác định kết quả bán hàng, kế toán sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

2.2.12.2. Sổ sách sử dụng.

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 911 – “Kết quả hoạt động kinh doanh”

2.2.12.3. Quy trình kết chuyển.

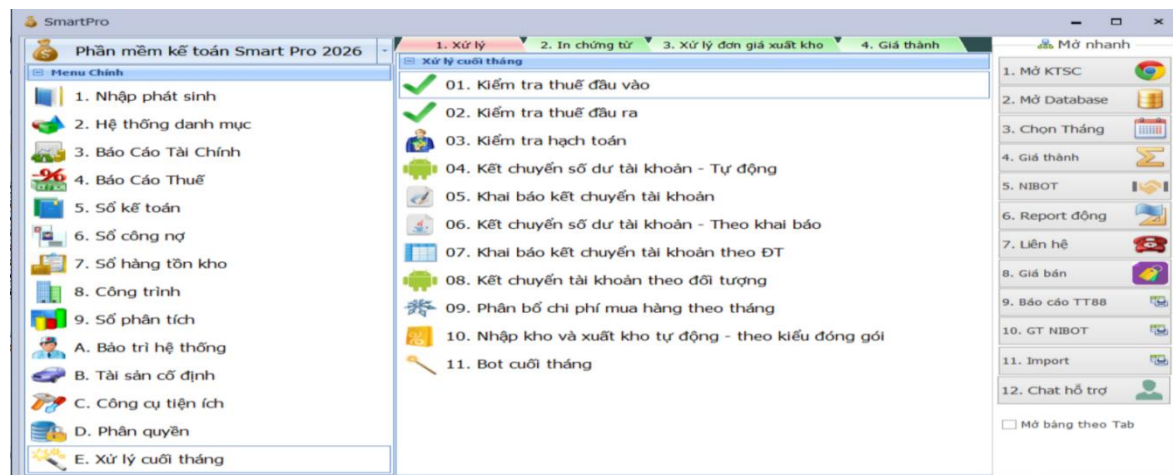
Vào thời điểm 31/12 kế toán thực hiện bút toán kết chuyển các tài khoản doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 nhằm phục vụ cho công tác làm báo cáo tài chính cuối năm và các loại thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh. Phần mềm sẽ tự động kết chuyển theo lựa chọn của kế toán, đồng thời xuất các báo cáo theo yêu

cầu như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ,...

Công ty sử dụng bút toán kết chuyển theo tháng bằng các bút toán phân bổ tự động và các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm. Kế toán tiến hành chọn bút toán kết chuyển trên phần mềm với giao diện chọn bút toán kết chuyển tự động.

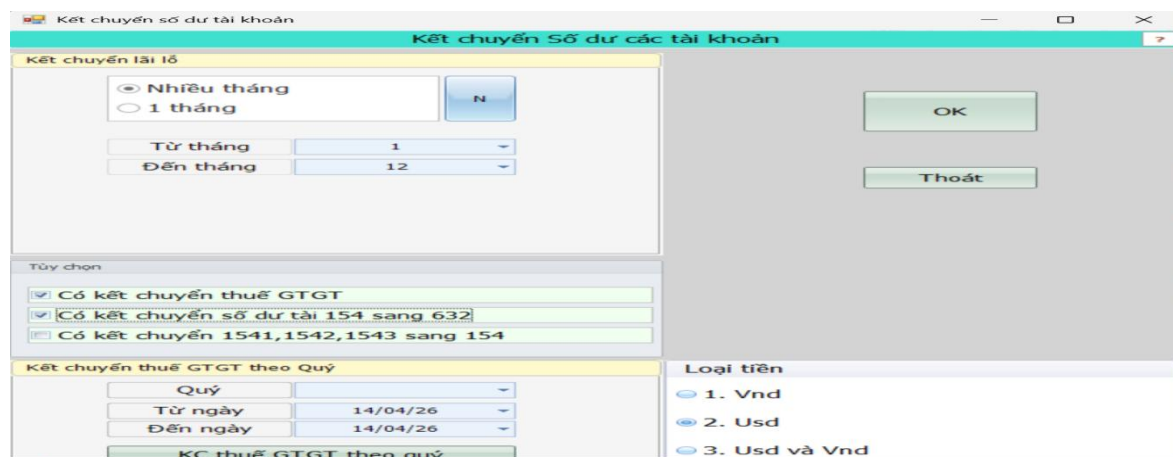
Để thực hiện bút toán kết chuyển trên phần mềm thực hiện các bước sau:

Bước 1: Vào phần mềm Smartpro sau đó chọn “C. Xử lý cuối tháng” → Chọn “Kết chuyển số dư tài khoản - tự động”.



Hình 2.17: Giao diện phần mềm khi thực hiện kết chuyển.

Bước 2: Sau khi chọn kết chuyển số dư phần mềm hiện ra giao diện kết chuyển như trong hình bên dưới.



Hình 2.18: Giao diện kết chuyển tài khoản.

Chọn các mục cần kết chuyển sau đó bấm “OK”. Phần mềm sẽ tự động kết chuyển các mục đã chọn đồng thời ghi nhận bút toán kết chuyển vào các sổ kế toán liên quan.

2.2.12.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 31/12/2025 kế toán thực hiện bút toán kết chuyển các tài khoản doanh thu, chi phí cuối kỳ và xác định kết quả kinh doanh năm 2025. Kế toán tiến hành các lựa chọn phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK911, sổ cái TK911 và sẽ tự động cập nhật lên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025.

Sổ nhật ký chung xem tại trang 73, 74 và 75.

Trích sổ chi tiết TK 911.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 911-Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		392
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	253.211	
...	...	...	...	...		...
31/08/25	KC.10	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	1.775.000	
31/08/25	KC.11	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	
31/08/25	KC.12	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	14.773.215	
31/08/25	KC.13	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	457.021.197	
...	...	...	...	...		...
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		297.594.434
31/10/25	KC.03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		320.979.956
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		13.483
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	268.056.881	
31/10/25	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	641	185.185	
31/10/25	KC.07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	
31/10/25	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	4.403.285	
31/10/25	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	1.398.700	
31/10/25	KC.10	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	
31/10/25	KC.11	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	17.796.562	
31/10/25	KC.12	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	315.527.695	
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		626.277.158
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		89.165.897
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	580.521.575	
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	3.823.263	
30/11/25	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	10.800.000	
30/11/25	KC.09	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	
30/11/25	KC.10	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	16.891.314	
30/11/25	KC.11	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	92.187.338	
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1.871.455.418
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113		373.510.704
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		8.857
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	3.011.517.994	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	910.162.754	
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	3.380.323	
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	
31/12/25	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425	6425	8.306.464	
31/12/25	KC.11	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	21.289.781	
31/12/25	KC.12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	26.576	
31/12/25	KC.13	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	8211	51.216.109	
31/12/25	KC.14	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		1.770.887.143
			Cộng phát sinh		11.373.133.707	11.373.133.707
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập NLS

Kế toán trưởng KTT

Giám đốc NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

Trích sổ cái TK 911.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :911-Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	392
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	253.211	0
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	641	12.000.000	0
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	0
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	4.639.729	0
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	0
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	7.353.400	0
31/01/25	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	35.465.513
...	...	...	...	...	...	...
31/05/25	KC.02	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	882.343.814
31/05/25	KC.03	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	47.691.577
31/05/25	KC.04	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	10.683
31/05/25	KC.05	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	837.939.052	0
31/05/25	KC.06	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	641	1.568	0
31/05/25	KC.07	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	0
31/05/25	KC.08	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	4.639.729	0
31/05/25	KC.09	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	0
31/05/25	KC.10	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	24.956.690	0
31/05/25	KC.11	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	51.289.470	0
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	KC.03	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	550.410.997
31/08/25	KC.04	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	486.104.242
31/08/25	KC.05	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	8.090
31/08/25	KC.06	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	547.173.023	0
31/08/25	KC.07	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	641	158.026	0
31/08/25	KC.08	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	0
31/08/25	KC.09	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	4.403.303	0
31/08/25	KC.10	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	1.775.000	0
31/08/25	KC.11	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	0
31/08/25	KC.12	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	14.773.215	0
31/08/25	KC.13	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	457.021.197	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	297.594.434
31/10/25	KC.03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	320.979.956
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	13.483
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	268.056.881	0
31/10/25	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	641	185.185	0
31/10/25	KC.07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	0
31/10/25	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	4.403.285	0
31/10/25	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	1.398.700	0
31/10/25	KC.10	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	0
31/10/25	KC.11	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	17.796.562	0
31/10/25	KC.12	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	315.527.695	0
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	626.277.158
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	89.165.897
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	580.521.575	0
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	1.257.444	0
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	3.823.263	0
30/11/25	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	10.800.000	0
30/11/25	KC.09	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	0
30/11/25	KC.10	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	16.891.314	0
30/11/25	KC.11	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	92.187.338	0
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111	0	1.871.455.418
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	5113	0	373.510.704
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515	0	8.857
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	3.011.517.994	0
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	910.162.754	0
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	3.380.323	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	6424	9.962.121	0
31/12/25	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425	6425	8.306.464	0
31/12/25	KC.11	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	21.289.781	0
31/12/25	KC.12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	26.576	0
31/12/25	KC.13	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	8211	51.216.109	0
31/12/25	KC.14	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	0	1.770.887.143
			CỘNG PHÁT SINH		11.373.133.707	11.373.133.707
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		11.373.133.707	11.373.133.707
					Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	
	NLS		KTT		NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH	

Sau khi kết chuyển các tài khoản doanh thu, chi phí vào TK 911, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.

PHỤ LỤC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX

[03] Mã số thuế: 0402170386

Mẫu số: **B 02 –
DN**
(Ban hành theo
Thông tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.499.754.173	3.019.857.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		9.499.754.173	3.019.857.381
4. Giá vốn hàng bán	11		7.776.258.651	1.940.391.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.723.495.522	1.079.465.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		81.099	4.400.862
7. Chi phí tài chính	22		0	2.930.102
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		12.478.769	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.409.826.623	2.278.638.702
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		301.271.229	(1.197.702.479)
11. Thu nhập khác	31		0	3.296.923
12. Chi phí khác	32		683.445	50.194.189
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(683.445)	(46.897.266)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		300.587.784	(1.244.599.745)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		51.216.109	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		249.371.675	(1.244.599.745)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12
năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NLS

KTT

NGUYỄN NGỌC
HOÀNG ANH

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX**
Ngày ký: 29/03/2026 17:08:02.

Hình 2.19: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIXIMAX
338 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Mã số thuế : 0402170386

Mẫu số: S03A-DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi Số Cái	STT Dòng	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
01/01/2025	PC.001/01	01/01/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024		1		220.000	220.000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài		2	6427	200.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ		3	1331	20.000	
			Tiền Việt Nam		4	1111		220.000
...	...	...	...		...	...	...	...
31/01/2025	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		306		253.211	253.211
			Xác định kết quả kinh doanh		307	911	253.211	
			Giá vốn hàng bán		308	632		253.211
31/01/2025	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641		309		12.000.000	12.000.000
			Xác định kết quả kinh doanh		310	911	12.000.000	
			Chi phí bán hàng		311	641		12.000.000
31/01/2025	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		312		1.257.444	1.257.444
			Xác định kết quả kinh doanh		313	911	1.257.444	
			Chi phí nhân viên quản lý		314	6421		1.257.444
31/01/2025	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		315		4.639.729	4.639.729
			Xác định kết quả kinh doanh		316	911	4.639.729	
			Chi phí vật liệu quản lý		317	6422		4.639.729
31/01/2025	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424		318		9.962.121	9.962.121
			Xác định kết quả kinh doanh		319	911	9.962.121	
			Chi phí khấu hao TSCĐ		320	6424		9.962.121
31/01/2025	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427		321		7.353.400	7.353.400
			Xác định kết quả kinh doanh		322	911	7.353.400	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài		323	6427		7.353.400
...	...	...	...		...	...	...	...
04/06/2025	HD.276	04/06/25	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ và tư vấn mua hàng trực tuyến		4.664		586.575	586.575
			Phải thu khách hàng		4.665	1311	586.575	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ		4.666	5113		543.125
			Thuế GTGT đầu ra		4.667	33311		43.450
...	...	...	...		...	...	...	...
30/06/2025	KC.05	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		7.960		889.729.294	889.729.294
			Xác định kết quả kinh doanh		7.961	911	889.729.294	
			Giá vốn hàng bán		7.962	632		889.729.294
30/06/2025	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		7.963		1.257.444	1.257.444
			Xác định kết quả kinh doanh		7.964	911	1.257.444	
			Chi phí nhân viên quản lý		7.965	6421		1.257.444
...	...	...	...		...	...	...	...
25/07/2025	PKT.FT2520680	25/07/25	Phí nộp chậm TNDN		9.910		200.683	200.683
			Chi phí khác		9.911	811	200.683	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		9.912	3339		200.683
...	...	...	...		...	...	...	...
31/07/2025	KC.10	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		11.378		656.869	656.869
			Xác định kết quả kinh doanh		11.379	911	656.869	
			Chi phí khác		11.380	811		656.869
31/07/2025	KC.11	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		11.381		383.625.700	383.625.700
			Xác định kết quả kinh doanh		11.382	911	383.625.700	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.383	4212		383.625.700
...	...	...	...		...	...	...	...
04/10/2025	PC.2760057	04/10/25	Dịch vụ quảng cáo Google Ads		19.530		200.000	200.000
			Chi phí bán hàng		19.531	641	185.185	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ		19.532	1331	14.815	
			Tiền Việt Nam		19.533	1111		200.000
06/10/2025	CTNH.666152	06/10/25	Phí ngân hàng		19.534		110.000	110.000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài		19.535	6427	100.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ		19.536	1331	10.000	
			Tiền Việt Nam		19.537	1121		110.000
...	...	...	...		...	...	...	...
31/10/2025	CPCPB.036/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Macbook Air 13 inch M2 16GB - 256GB Xám Z15S Tháng 10		21.734		671.465	671.465
			Chi phí vật liệu quản lý		21.735	6422	671.465	
			Chi phí trả trước		21.736	242		671.465
31/10/2025	CPCPB.037/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Mạch chính Asus Prime B760M-K D4 Tháng 10		21.737		58.081	58.081
			Chi phí dịch vụ mua ngoài		21.738	6427	58.081	
			Chi phí trả trước		21.739	242		58.081
...	...	...	...		...	...	...	...
31/10/2025	CTNH.19903979	31/10/25	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 10/2025		21.869		13.483	13.483
			Tiền Việt Nam		21.870	1121	13.483	
			Doanh thu hoạt động tài chính		21.871	515		13.483

31/10/2025	HDBR.2099	31/10/25	Bán hàng hóa	22.096		2.500.000	2.500.000
			Phải thu khách hàng	22.097	1311	2.500.000	
			Thuế GTGT đầu ra	22.098	33311		185.185
			Doanh thu bán hàng hóa	22.099	5111		2.314.815
31/10/2025	KHTS.001/10	31/10/25	Khấu hao XE Ô TÔ CON 5 CHỖ [HIEU: MAZDA SỐ LOẠI: CX-5 KD2W7A-01 Tháng 10	22.100		9.962.121	9.962.121
			Chi phí khấu hao TSCĐ	22.101	6424	9.962.121	
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	22.102	2141		9.962.121
...	...	...	...	...	...	...	...
31/10/2025	KC.03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	22.266		320.979.956	320.979.956
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.267	5113	320.979.956	
			Xác định kết quả kinh doanh	22.268	911		320.979.956
31/10/2025	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	22.269		13.483	13.483
			Doanh thu hoạt động tài chính	22.270	515	13.483	
			Xác định kết quả kinh doanh	22.271	911		13.483
31/10/2025	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	22.272		268.056.881	268.056.881
			Xác định kết quả kinh doanh	22.273	911	268.056.881	
			Giá vốn hàng bán	22.274	632		268.056.881
31/10/2025	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 641	22.275		185.185	185.185
			Xác định kết quả kinh doanh	22.276	911	185.185	
			Chi phí bán hàng	22.277	641		185.185
31/10/2025	KC.07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	22.278		1.257.444	1.257.444
			Xác định kết quả kinh doanh	22.279	911	1.257.444	
			Chi phí nhân viên quản lý	22.280	6421		1.257.444
31/10/2025	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	22.281		4.403.285	4.403.285
			Xác định kết quả kinh doanh	22.282	911	4.403.285	
			Chi phí vật liệu quản lý	22.283	6422		4.403.285
31/10/2025	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	22.284		1.398.700	1.398.700
			Xác định kết quả kinh doanh	22.285	911	1.398.700	
			Chi phí đồ dùng văn phòng	22.286	6423		1.398.700
31/10/2025	KC.10	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	22.287		9.962.121	9.962.121
			Xác định kết quả kinh doanh	22.288	911	9.962.121	
			Chi phí khấu hao TSCĐ	22.289	6424		9.962.121
...	...	...	...	...	...	...	...
14/11/2025	PKT.612	14/11/25	Mua VPP	23.762		11.664.000	11.664.000
			Chi phí đồ dùng văn phòng	23.763	6423	10.800.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	23.764	1331	864.000	
			Phải trả cho người bán	23.765	331		11.664.000
30/11/2025	CPCPB.032/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Giá Treo Phong 2m6 x 3m Tháng 11	24.510		32.576	32.576
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.511	154	32.576	
			Chi phí trả trước	24.512	242		32.576
30/11/2025	CPCPB.033/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Đăng ký Google Workspace - Business Starter theo 10 user: tiximax.net Tháng 11	24.513		242.778	242.778
			Chi phí nhân viên quản lý	24.514	6421	242.778	
			Chi phí trả trước	24.515	242		242.778
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	24.681		580.521.575	580.521.575
			Xác định kết quả kinh doanh	24.682	911	580.521.575	
			Giá vốn hàng bán	24.683	632		580.521.575
30/11/2025	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	24.684		1.257.444	1.257.444
			Xác định kết quả kinh doanh	24.685	911	1.257.444	
			Chi phí nhân viên quản lý	24.686	6421		1.257.444
30/11/2025	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	24.687		3.823.263	3.823.263
			Xác định kết quả kinh doanh	24.688	911	3.823.263	
			Chi phí vật liệu quản lý	24.689	6422		3.823.263
30/11/2025	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	24.690		10.800.000	10.800.000
			Xác định kết quả kinh doanh	24.691	911	10.800.000	
			Chi phí đồ dùng văn phòng	24.692	6423		10.800.000
30/11/2025	KC.09	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	24.693		9.962.121	9.962.121
			Xác định kết quả kinh doanh	24.694	911	9.962.121	
			Chi phí khấu hao TSCĐ	24.695	6424		9.962.121
30/11/2025	KC.10	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	24.696		16.891.314	16.891.314
			Xác định kết quả kinh doanh	24.697	911	16.891.314	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.698	6427		16.891.314
...	...	...	...	...	...	...	...
11/12/2025	CTNH.FT25345	11/12/25	HOANG T HI THU THAO CK	26.073		2.816.000	2.816.000
			Tiền Việt Nam	26.074	1121	2.816.000	
			Phải thu khách hàng	26.075	1311		2.816.000
...	...	...	...	...	...	...	...
11/12/2025	HDBR.151	11/12/25	Bán hàng hóa	26.079		10.513.000	10.513.000
			Phải thu khách hàng	26.080	1311	10.513.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	26.081	5111		9.734.259
			Thuế GTGT đầu ra	26.082	33311		778.741
11/12/2025	PXK.151	11/12/25	Xuất kho theo HD : 151,11/12/2025	26.083		7.652.231	7.652.231
			Giá vốn hàng bán	26.084	632	7.652.231	
			Hàng hóa	26.085	156		7.652.231

...	...	...	...	...	...	...	...
13/12/2025	PXK.200	13/12/25	Xuất kho theo HD : 200,13/12/2025	26.510		321.525	321.525
			Giá vốn hàng bán	26.511	632	321.525	
			Hàng hóa	26.512	156		321.525
14/12/2025	PC.3973309	14/12/25	Dịch vụ ăn uống, tiếp khách	26.513		2.345.760	2.345.760
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.514	6427	2.172.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	26.515	1331	173.760	
			Tiền Việt Nam	26.516	1111		2.345.760
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	HD.512	31/12/25	Dịch vụ hỗ trợ mua hàng và tư vấn thủ tục vận chuyển hàng hóa	29.446		870.000	870.000
			Phải thu khách hàng	29.447	1311	870.000	
			Thuế GTGT đầu ra	29.448	33311		64.444
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.449	5113		805.556
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	PKT.45	31/12/25	HẠCH TOÁN THUẾ TNDN PHẢI NỘP	29.851		51.216.109	51.216.109
				29.852	8211	51.216.109	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.853	3334		51.216.109
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	30.070		1.396.627.736	1.396.627.736
			Giá vốn hàng bán	30.071	632	1.396.627.736	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.072	154		1.396.627.736
31/12/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	30.073		1.871.455.418	1.871.455.418
			Doanh thu bán hàng hóa	30.074	5111	1.871.455.418	
			Xác định kết quả kinh doanh	30.075	911		1.871.455.418
31/12/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	30.076		373.510.704	373.510.704
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.077	5113	373.510.704	
			Xác định kết quả kinh doanh	30.078	911		373.510.704
31/12/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	30.079		8.857	8.857
			Doanh thu hoạt động tài chính	30.080	515	8.857	
			Xác định kết quả kinh doanh	30.081	911		8.857
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	30.082		3.011.517.994	3.011.517.994
			Xác định kết quả kinh doanh	30.083	911	3.011.517.994	
			Giá vốn hàng bán	30.084	632		3.011.517.994
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	30.085		910.162.754	910.162.754
			Xác định kết quả kinh doanh	30.086	911	910.162.754	
			Chi phí nhân viên quản lý	30.087	6421		910.162.754
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	30.085		910.162.754	910.162.754
			Xác định kết quả kinh doanh	30.086	911	910.162.754	
			Chi phí nhân viên quản lý	30.087	6421		910.162.754
31/12/2025	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	30.088		3.380.323	3.380.323
			Xác định kết quả kinh doanh	30.089	911	3.380.323	
			Chi phí vật liệu quản lý	30.090	6422		3.380.323
31/12/2025	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	30.091		9.962.121	9.962.121
			Xác định kết quả kinh doanh	30.092	911	9.962.121	
			Chi phí khấu hao TSCĐ	30.093	6424		9.962.121
31/12/2025	KC.11	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	30.097		21.289.781	21.289.781
			Xác định kết quả kinh doanh	30.098	911	21.289.781	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.099	6427		21.289.781
31/12/2025	KC.12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	30.100		26.576	26.576
			Xác định kết quả kinh doanh	30.101	911	26.576	
			Chi phí khác	30.102	811		26.576
31/12/2025	KC.13	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	30.103		51.216.109	51.216.109
			Xác định kết quả kinh doanh	30.104	911	51.216.109	
				30.105	8211		51.216.109
31/12/2025	KC.14	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	30.106		1.770.887.143	1.770.887.143
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	30.107	4212	1.770.887.143	
			Xác định kết quả kinh doanh	30.108	911		1.770.887.143
			Tổng cộng			84.526.235.856	84.526.235.856

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
NLS

Kế toán trưởng
KTT

Giám đốc
NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3.1. Một số nhận xét chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax.

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Tiximax em đã nhận thấy được những ưu điểm và học hỏi được nhiều điểm qua công tác kế toán tại công ty. Chỉ mới hoạt động được 3 năm nhưng công ty đã có được một vị thế ổn định trong thị trường về cung cấp vật liệu, thiết bị trong xây dựng.

3.1.1. Ưu điểm.

- **Về tổ chức quản lý:** Lãnh đạo công ty là người có trình độ nên công tác quản lý và điều hành công ty tương đối tốt. Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, đủ năng lực, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong môi trường kinh doanh khốc liệt.

- **Về tổ chức bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung tương đối gọn nhẹ và hiệu quả. Việc phân định rõ ràng vai trò của từng phần hành bao gồm Kế toán trưởng, Kế toán tổng hợp, Kế toán kho, Kế toán công nợ và Kế toán bán hàng giúp thông tin tài chính được luân chuyển tập trung, đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt và kiểm soát nội bộ chặt chẽ. Nhân sự kế toán tại các phần hành đều nắm vững chuyên môn, làm chủ được các phần mềm nghiệp vụ và thực hiện đối chiếu, phối hợp nhịp nhàng với các phòng ban khác giúp hạn chế tối đa sai sót khi ghi nhận doanh thu và xuất kho hàng hóa.

- **Về quy trình luân chuyển chứng từ:** Công ty sử dụng phần mềm kế toán Smartpro 2024 trong toàn bộ quá trình ghi nhận và xử lý nghiệp vụ kế toán. Phần mềm cho phép tự động cập nhật số liệu từ chứng từ vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ chi tiết, giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công, hạn chế sai sót và nâng cao tính kịp thời của thông tin kế toán. Quy trình kế toán được tiến hành chặt chẽ ăn khớp với nhau từ khâu lập chứng từ ban đầu đến khâu tổng hợp chi phí, doanh thu để xác định kết quả kinh doanh lúc cuối kỳ và lập báo cáo.

- **Về hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán:**

+ Công ty Cổ phần Tiximax áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, phù hợp với loại hình doanh nghiệp thương mại và dịch vụ. Hệ thống tài khoản được mở đầy đủ, logic và đáp ứng tốt yêu cầu phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty. Hệ thống tài khoản được xây dựng phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của công ty; sử

dụng tài khoản đúng theo quy định của Thông tư 200; mở tài khoản chi tiết để theo dõi doanh thu và giá vốn.

+ Các chứng từ được sử dụng trong khâu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh như: Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho, Phiếu thu, Giấy báo Có được lập đầy đủ, kịp thời và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định. Đặc biệt, công ty đã sử dụng giải pháp hóa đơn điện tử thông qua phần mềm VIN-HOADON để rút ngắn thời gian phát hành hóa đơn cho đối tác, hỗ trợ lưu trữ an toàn, tra cứu nhanh chóng và đồng bộ dữ liệu hóa đơn đầu ra một cách trực tiếp với dữ liệu khai thuế của cơ quan Nhà nước.

+ Bên cạnh đó, hệ thống sổ sách và hình thức kế toán tại công ty cũng đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ thống sổ sách từ Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái cho đến các sổ chi tiết doanh thu (TK 511), giá vốn (TK 632), chi phí (TK 641, TK 642) được kết xuất logic, có quan hệ đối chiếu rõ ràng. Sự hỗ trợ từ phần mềm SMARTPRO giúp kế toán giảm bớt số lượng công việc, khi kế toán nhập chứng từ gốc, phần mềm tự động cập nhật đồng thời vào các sổ tổng hợp, sổ chi tiết và tự động thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ sang tài khoản 911, giúp tăng năng suất lao động và độ chính xác của Báo cáo tài chính.

+ Phương pháp tính giá xuất kho theo hình thức Bình quân gia quyền cuối kỳ hoàn toàn phù hợp với đặc thù kinh doanh nhiều chủng loại sản phẩm. Nhờ việc kiểm soát chặt chẽ chính sách bán hàng nên trong kỳ không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu, giúp đơn giản hóa quy trình ghi nhận doanh thu thuần và đảm bảo tính chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm của công tác kế toán bán hàng công ty. Thì vẫn còn tồn tại những hạn chế trong công tác kế toán.

❖ **Về bộ máy kế toán:** do số lượng nhân sự còn ít trong khi quy mô khách hàng và số lượng giao dịch thương mại ngày càng mở rộng, một số vị trí kế toán phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc. Điều này dễ dẫn đến hiện tượng quá tải vào giai đoạn cao điểm cuối tháng hoặc cuối quý khi phải hoàn thành đồng thời báo cáo thuế và báo cáo quản trị nội bộ.

❖ **Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán:**

- *Về hệ thống chứng từ kế toán:* Quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận đôi khi gặp độ trễ về mặt thời gian.

Đáng chú ý hơn là phương pháp đánh số chứng từ hiện tại trên phần mềm SMARTPRO vẫn còn bộc lộ điểm yếu. Hiện tại, phần mềm đang để chế độ đánh số chứng từ tăng dần tự động hoặc do kế toán tự nhập thủ công. Cách đánh số này

chưa gắn liền với mốc thời gian tháng hay năm phát sinh nghiệp vụ. Khi quy mô hóa đơn, phiếu xuất kho phát sinh quá lớn trong năm, chuỗi ký tự số kéo dài gây khó khăn cho việc nhận diện chứng từ này thuộc kỳ hạch toán nào nếu chỉ nhìn vào số hiệu. Thêm vào đó, việc thiếu nguyên tắc về cách đánh số chứng từ dễ xảy ra hiện tượng trùng số chứng từ hoặc xuất hiện các "khoảng trống" nhảy số do xóa, sửa chứng từ lỗi, gây khó khăn cho công tác kiểm toán, đối chiếu cuối năm.

- *Đối với hệ thống sổ sách kế toán:*

+ Tình trạng dồn tích công việc cuối kỳ vẫn thường xuyên diễn ra. Do phụ thuộc vào tính năng tự động của phần mềm SMARTPRO, kế toán có xu hướng dồn các nghiệp vụ đối chiếu dữ liệu hoặc nhập một số chi phí mua ngoài vào thời điểm cuối tháng hoặc cuối quý. Việc thiếu cập nhật và đối chiếu liên tục hằng ngày giữa Sổ chi tiết và Sổ Cái khiến phát hiện sai sót bị muộn, làm ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

+ Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Tiximax, nhận thấy công ty không mở chi tiết TK 632 – Giá vốn hàng bán theo từng loại hàng hóa, dịch vụ như đối với TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Nguyên nhân là do theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, doanh nghiệp không bắt buộc phải mở chi tiết TK 632, việc mở chi tiết chỉ thực hiện khi có nhu cầu quản lý. Sổ chi phí bán hàng (TK 641) cũng không mở sổ chi tiết; việc hạch toán tập trung các khoản mục mà không tách rời các chi phí phát sinh cho từng loại chi phí, từng nhóm khách hàng đã làm hạn chế khả năng phân tích điểm hòa vốn và đánh giá hiệu quả kinh doanh của Ban Giám Đốc.

❖ Công ty chưa áp dụng việc tạm nộp thuế TNDN sau mỗi quý mà công ty chỉ nộp thuế TNDN vào thời điểm cuối năm. Việc này làm cho chi phí thuế TNDN bị dồn một số tiền lớn vào thời điểm cuối năm gây áp lực về dòng tiền của doanh nghiệp vào thời điểm cuối năm.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax.

Từ những hạn chế còn tồn tại trong công tác tổ chức bộ máy kế toán cũng như hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty Cổ phần Tiximax, em xin đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán của công ty như sau:

❖ Giải pháp về bộ máy kế toán.

Công ty cần xem xét lại bộ máy kế toán theo hướng phù hợp hơn với quy mô hoạt động và khối lượng nghiệp vụ phát sinh. Trong điều kiện số lượng nhân sự kế toán còn hạn chế, công ty nên:

+ Xem xét bổ sung thêm nhân sự kế toán trong các thời điểm cao điểm hoặc khi quy mô hoạt động mở rộng.

+ Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng vị trí trong bộ máy kế toán nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm cá nhân. Việc hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công việc, giảm áp lực cho nhân viên kế toán và hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán.

❖ Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán

- Hệ thống chứng từ:

+ Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ kế toán khoa học, hợp lý và thống nhất giữa các bộ phận như: quy định rõ thời gian chuyển giao chứng từ giữa các bộ phận, tăng cường triển khai việc số hóa chứng từ kế toán nhằm thuận tiện cho việc lưu trữ, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

+ Công ty cần chuẩn hóa lại nguyên tắc đánh số chứng từ trên phần mềm kế toán SMARTPRO nhằm kiểm soát tốt tính liên tục, dễ dàng đối chiếu dữ liệu và tránh hiện tượng bỏ sót hóa đơn hay phiếu xuất kho. Công ty có thể áp dụng phương pháp đánh số chứng từ kết hợp giữa: **Ký hiệu loại chứng từ + Số thứ tự tăng dần liên tục + Tháng/Năm phát sinh.**

Ví dụ: Chứng từ kết chuyển: Phiếu kết chuyển số 01 phát sinh vào thời điểm ngày 30/11/2025 sẽ được đánh số là KC01/11, chứng từ tiếp theo sẽ là KC02/11,... Và sang đến ngày 31/12/2025 số chứng từ sẽ tự động thiết lập lại từ đầu là KC01/12, tiếp theo là KC02/12,...

- Sổ sách kế toán:

Bên cạnh việc tuân thủ đúng quy định của Thông tư 200 và hình thức kế toán Nhật ký chung, công ty nên:

+ Thực hiện đối chiếu thường xuyên giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp để kịp thời phát hiện và xử lý sai sót.

+ Công ty nên tận dụng tính năng khai báo danh mục trên phần mềm SMARTPRO để mở các tài khoản chi tiết cho tài khoản chi phí bán hàng (TK 641) và giá vốn hàng bán (TK 632). Cụ thể, kế toán cần theo dõi chi tiết chi phí quảng cáo, chi phí tiếp khách, chi phí vận chuyển theo từng chiến dịch bán hàng hoặc theo từng nhóm khách hàng mục tiêu và theo dõi giá vốn của từng hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ. Những số liệu chi tiết này sẽ giúp cung cấp các báo cáo quản trị hữu ích, hỗ trợ Ban Giám đốc đánh giá chính xác hiệu quả kinh doanh và đưa ra các quyết định chiến lược kịp thời.

❖ Công ty nên trích một khoản nhất định để nộp tạm thuế TNDN vào mỗi quý, sau đó vào thời điểm cuối năm tổng hợp số thuế TNDN cần nộp nhà nước. Nếu tổng

số tiền đã tạm nộp lớn hơn thuế TNDN phải nộp thì sẽ được hoàn trả lại hoặc bù trừ vào kỳ tiếp theo. Ngược lại nếu tổng số tạm nộp thấp hơn thì công ty cần nộp thêm. Việc chia nhỏ nghĩa vụ thuế thành các kỳ nhỏ hơn theo quý, thay vì phải nộp một lần lớn khi quyết toán cuối năm. Nhờ vậy, doanh nghiệp dễ dàng lập kế hoạch tài chính, quản lý dòng tiền hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, việc tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với mỗi công ty nói chung và công ty Cổ phần Tiximax nói riêng nhằm xác định được lợi nhuận doanh thu lời hay lỗ. Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, theo dõi và phản ánh toàn bộ các thông tin nghiệp vụ phát sinh trong năm, cung cấp kịp thời cho ban lãnh đạo.

Khóa luận thể hiện được thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Tiximax. Sau thời gian thực tập tại công ty em đã có cơ hội tiếp cận và tiếp xúc trực tiếp với phần mềm Smartpro, được vận dụng và củng cố những kiến thức chuyên ngành đã được học tại trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng. Đặc biệt, trong giai đoạn em thực tập cùng với thời điểm công ty làm báo cáo tài chính năm 2025, tạo điều kiện thuận lợi để em được tham gia vào các công việc thực tế học cách nhập liệu kế toán, đóng chứng từ sổ sách, khai báo bảo hiểm xã hội, lập các báo cáo tài chính.

Tại công ty này có nhiều ưu điểm cũng có nhiều hạn chế. Công ty thực hiện đúng chuẩn mực kế toán của nhà nước, em đã nêu ra trong bài khóa luận. Và cuối cùng em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến quý công ty và giảng viên hướng dẫn Th.S Nguyễn Xuân Hiệp đã tạo điều kiện và tận tình chỉ dẫn em hoàn thành khóa luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 200/2014//TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
2. Tài liệu, sổ sách liên quan đến phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tiximax.
3. Các bài khoá luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng
4. Một số web tham khảo:
 - Dịch vụ Công thuế Nhà nước: <https://dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/homelogin>.
 - MISA.VN:<https://amis.misa.vn/251383/thong-tu-99-2025-tt-btc-thay-the-thong-tu-200-2014-tt-btc/>.

CHÚ THÍCH NỘI DUNG SỬ DỤNG AI

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Tiximax.
2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty Cổ phần Tiximax.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi,, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....

.....

.....

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....

.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....

.....

.....

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**

○ ☐ **Có**

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____